

**CÔNG TY CỔ PHẦN
ĐẦU TƯ ĐIỆN LỰC 3**

Số: 45 /TTr-HĐQT

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Đà Nẵng, ngày 01 tháng 6 năm 2020

TỜ TRÌNH

**Về việc thông qua báo cáo kết quả hoạt động SXKD - ĐTXD năm 2019
và nhiệm vụ năm 2020**

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Đầu tư Điện lực 3

Căn cứ Điều lệ của Công ty Cổ phần Đầu tư Điện lực 3;

Căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên - 2019,

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông báo cáo kết quả hoạt động SXKD - ĐTXD năm 2019 và nhiệm vụ năm 2020 để thông qua.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



Ngô Tấn Hồng

BÁO CÁO
KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SXKD - ĐTXD NĂM 2019
VÀ NHIỆM VỤ NĂM 2020

PHẦN I
KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SXKD - ĐTXD NĂM 2019

Theo kế hoạch SXKD - ĐTXD năm 2019, Công ty Cổ phần Đầu tư Điện lực 3 có nhiệm vụ trọng tâm là: (i) quản lý vận hành hai NMTĐ Đăk Pône và Đăk Krông 1 với chỉ tiêu sản lượng điện là 98,76 triệu kWh, doanh thu là 107,64 tỷ đồng, lợi nhuận sau thuế là 28,9 tỷ đồng; (ii) thực hiện các thủ tục bổ sung quy hoạch, chuẩn bị đầu tư dự án NMTĐ Tân Lập và các hạng mục mới của NMTĐ Đăk Pône. Tình hình hoạt động của Công ty diễn ra trong những điều kiện sau:

a. Về thuận lợi: Công ty nhận được sự quan tâm hỗ trợ của các cổ đông, đặc biệt là Công ty mẹ - Tổng công ty Điện lực miền Trung, sự giúp đỡ của các cơ quan quản lý nhà nước ở các tỉnh Quảng Trị, Kon Tum trong công tác SXKD và ĐTXD.

b. Về khó khăn: thời tiết khu vực miền Trung biến đổi bất thường, khô hạn kéo dài, thiếu nước để phát điện ảnh hưởng đến công tác sản xuất điện năng; sự thiếu đồng bộ về các quy định trong ĐTXD của các cơ quan quản lý nhà nước làm phát sinh nhiều thủ tục mới, ảnh hưởng đến công tác chuẩn bị đầu tư.

Với tinh thần khắc phục khó khăn, toàn thể viên chức, người lao động của Công ty đã nỗ lực và đạt được các kết quả, cụ thể như sau:

I.1. Công tác sản xuất kinh doanh điện năng

Năm 2019, tổng sản lượng điện thương phẩm là 77,01 triệu kWh, đạt 77,98% so với kế hoạch (trong đó, NMTĐ Đăk Pône phát 54,28 triệu kWh và NMTĐ Đăk Krông 1 phát 22,73 triệu kWh); tổng doanh thu đạt 103,26 tỷ đồng (đạt 95,93% kế hoạch), trong đó doanh thu bán điện là 98,37 tỷ đồng (đạt 91,64% kế hoạch); lợi nhuận sau thuế là 18,53 tỷ đồng, đạt 64,12% kế hoạch.

Công tác bảo trì thiết bị và hạng mục thủy công được thực hiện tốt, đảm bảo kế hoạch đề ra. Công ty đã triển khai công tác bảo trì tập trung và áp dụng phương pháp bảo trì theo tư duy dựa trên rủi ro (Risk Based Maintenance). Nhờ vậy, công tác bảo trì đã được chủ động và hiệu quả hơn, giảm áp lực cho lực lượng công nhân sản xuất nhưng chất lượng thiết bị được quản lý chặt chẽ, sẵn sàng hoạt động với công suất thiết kế.

Công tác an toàn vệ sinh lao động được đảm bảo, không để xảy ra tai nạn lao động.

Trong năm, có 13 Đoàn thanh, kiểm tra của các cơ quan quản lý nhà nước về tình hình chấp hành pháp luật về bảo vệ môi trường, PCCN,

ATVSLĐ, PCTT-TKCN, Thuế.... tại NMTĐ Đa Krông 1 và NMTĐ Đăk Pône. Các Đoàn thanh, kiểm tra đều đánh giá Công ty không có vi phạm, đã cố gắng chấp hành đầy đủ các quy định pháp luật trong công tác quản lý, vận hành các nhà máy thủy điện.

Bảng 1: Kết quả SXKD năm 2019

Đơn vị: triệu đồng

TT	Chỉ tiêu	Kế hoạch	Thực hiện	Tỷ lệ (%)
1	Tổng sản lượng điện phát (GWh)	98,76	77,01	77,98
2	Giá bán điện bình quân (đồng/kWh)	1.086,86	1.277,31	117,52
3	Tổng doanh thu (3.1+3.2+3.3)	107.642,02	103.264,46	95,93
3.1	Doanh thu SX điện	107.342,02	98.372,33	91,64
3.2	Doanh thu tài chính	300,00	465,59	155,20
3.3	Doanh thu hoạt động khác		4.426,54	
4	Tổng chi phí (4.1+4.2+4.3)	77.045,63	84.144,04	109,21
4.1	Chi phí SX điện	59.307,19	61.909,32	104,39
4.2	Chi phí tài chính	17.738,44	17.859,12	100,68
4.3	Chi phí hoạt động khác		4.375,60	
5	Lợi nhuận trước thuế (3)-(4)	30.596,39	19.120,42	62,49
6	Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.696,32	590,11	34,79
7	Lợi nhuận sau thuế TNDN (5)-(6)	28.900,07	18.530,31	64,12

Ghi chú: Chi phí sản xuất điện tăng 4,39% so với kế hoạch chủ yếu do chi phí khấu hao NMTĐ Đa Krông 1 tăng 4,32 tỷ đồng do thay đổi phương pháp tính khấu hao từ số lượng, khối lượng sản phẩm sang phương pháp khấu hao theo đường thẳng.

I.2. Công tác đầu tư xây dựng

Công tác quản lý ĐTXD được thực hiện đảm bảo các quy định của Nhà nước, nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và của HĐQT. Công tác ĐTXD năm 2019 chủ yếu là khâu chuẩn bị đầu tư, nhưng do các quy định của Nhà nước còn thiếu đồng bộ và phát sinh nhiều thủ tục nên kết quả còn dở dang, cụ thể:

I.2.1. Dự án NMTĐ Tân Lập - 30MW

Công ty xác định đây là dự án mang tính chiến lược nên đã tập trung nguồn lực để quản lý chặt chẽ ngay từ đầu; đã phối hợp đơn vị tư vấn (VATEC) khảo sát và hoàn thành Báo cáo bổ sung quy hoạch dự án (với công suất 50MW), trình UBND tỉnh Quảng Trị đúng kế hoạch đề ra. UBND tỉnh Quảng Trị đã xem xét và trình Bộ Công thương vào ngày 02/4/2019; Cục Điện lực và Năng lượng tái tạo (Bộ Công thương) đã lấy ý kiến góp ý hồ sơ bổ sung quy hoạch của dự án từ các cơ quan hữu quan.

Trên cơ sở báo cáo của Công ty về tính khả thi của dự án và phương án huy động vốn, EVN và EVNCPC đã có nghị quyết cho phép lập BCNCKT dự án (NQ số 337/NQ-HĐTV ngày 10/7/2019 của EVN, số 302/NQ-HĐTV ngày 16/8/2019 của EVNCPC). Công ty đã tổ chức đấu thầu rộng rãi, chọn lựa nhà thầu và đã ký hợp đồng tư vấn khảo sát, lập BCNCKT dự án.

Năm 2019, Nhà nước chưa ban hành đầy đủ các văn bản pháp quy hướng dẫn thực hiện Luật Quy hoạch nên Bộ Công thương chưa tổ chức thẩm định, phê duyệt quy hoạch (cho tất cả dự án điện trên cả nước). Công ty tạm dừng triển khai công tác khảo sát, lập BCNCKT dự án NMĐG Tân I. lập trong thời gian chưa phê duyệt bổ sung quy hoạch.

I.2.2. Dự án thủy điện Đăk Pône - NMTĐ hồ B và Nâng đập hồ A

Công ty đã hoàn thành BCNCKT và các thủ tục pháp lý phát sinh như Báo cáo đánh giá tác động môi trường, Báo cáo dòng chảy môi trường sau đập hồ A, Báo cáo kiểm định đập hồ A. NMTĐ hồ B có quy mô nhỏ (chỉ 1,6MW) nhưng phát sinh nhiều thủ tục và hiện tại còn phải điều chỉnh lại quy hoạch sử dụng đất của Địa phương (phần này do Địa phương chủ trì thực hiện). Năm 2019, Công ty đã tổ chức thẩm tra và phối hợp với các cơ quan quản lý nhà nước tại Địa phương đã thẩm định một số báo cáo nêu trên, nhưng chưa thể phê duyệt BCNCKT vì còn chờ Địa phương điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất cho dự án.

I.2.3. Dự án Nhà PC3-INVEST

Công ty cùng Tư vấn thiết kế đã hoàn thành BCNCKT, đã thẩm tra hồ sơ dự án và giải pháp về PCCC (Phòng Cảnh sát PCCC và Cứu nạn cứu hộ - Công an thành phố Đà Nẵng thực hiện). Công ty đã trình Sở Xây dựng Thành phố Đà Nẵng để thẩm định hồ sơ thiết kế cơ sở của dự án. Tuy nhiên, năm qua UBND thành phố Đà Nẵng dừng việc điều chỉnh quy hoạch xây dựng từ đất xây dựng biệt thự sang đất xây dựng văn phòng làm việc, nên Sở Xây dựng chưa thẩm định hồ sơ thiết kế cơ sở của dự án.

I.2.4. Dự án NMTĐ Đa Krông 1

Trong năm 2019, Công ty đã thực hiện công tác quyết toán vốn đầu tư dự án, đã hoàn thành báo cáo tổng quyết toán công trình; đơn vị kiểm toán (AAC) đã phát hành báo cáo kiểm toán với giá trị tổng quyết toán là 377,28 tỷ đồng. Công ty đã tổ chức rà soát tính tuân thủ về trình tự đầu tư và lưu trữ hồ sơ toàn bộ dự án; đã hoàn thiện các thủ tục còn sót để đảm bảo hồ sơ dự án đầy đủ và đáp ứng yêu cầu theo quy định về quản lý đầu tư xây dựng.

I.2.5. Dự án NMĐG Hướng Sơn 3 - 30MW

Từ năm 2018, Công ty có đăng ký với UBND tỉnh Quảng Trị để nghiên cứu đầu tư dự án NMĐG Hướng Sơn 3 (30MW); đã phối hợp với UBND huyện Hướng Hoá và các Sở chuyên ngành khảo sát phạm vi nghiên cứu trình UBND Tỉnh. Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Trị đã có ý kiến sẽ xem xét việc cho phép Công ty đầu tư dự án này sau khi đã triển khai dự án

NMĐG Tân Lập. Năm 2019 do chưa triển khai được dự án NMĐG Tân Lập nên Công ty chỉ theo dõi thông tin dự án, chứ chưa xây dựng trụ đo gió.

I.2.6. Dự án SCADA NMTĐ Đắk Pône

Công ty đã tổ chức khảo sát, lập BCKTKT, chọn lựa nhà thầu và ký hợp đồng triển khai mua sắm, lắp đặt hệ thống truyền dẫn, cấu hình, thí nghiệm hiệu chỉnh và đưa vào vận hành hệ thống thông tin, SCADA NMTĐ Đắk Pône” vào ngày 11/12/2019. Đến nay, nhà thầu đã thực hiện xong hợp đồng, đã nghiệm thu bàn giao đưa vào sử dụng.

I.2.7. Giá trị giải ngân

Năm 2019, công tác XDCB chủ yếu ở giai đoạn nghiên cứu dự án và lập BCNCKT. Do những vướng mắc phát sinh nêu trên, khối lượng thực hiện được chủ yếu là công tác tư vấn, giá trị thực hiện đạt 4,29 tỷ đồng, giá trị giải ngân là 11,55 tỷ đồng (kể cả thanh toán giá trị XDCB hoàn thành của công trình NMTĐ Đa Krông 1). Việc giải ngân khối lượng XDCB, quản lý chi phí được Công ty thực hiện đúng quy định, không để xảy ra chi sai mục đích.

Bảng 2: Giá trị giải ngân XDCB năm 2019

Đơn vị: tỷ đồng

TT	Nội dung chi phí	Kế hoạch	Giải ngân
1	Dự án thủy điện Đắk Pône - NMTĐ hồ B và Nâng đập hồ A	6,90	0,98
3	Dự án SCADA NMTĐ Đắk Pône	3,30	0,00
4	Dự án NMTĐ Đa Krông 1	18,72	9,53
5	Dự án NMĐG Tân Lập	30,00	1,04
6	Dự án NMĐG Hướng Sơn 3	0,20	0,00
7	Dự án Nhà PC3-INVEST	1,00	0,00
	Tổng cộng	60,12	11,55

Ghi chú: Lũy kế giải ngân đến hết năm 2019 của dự án NMTĐ Đa Krông 1 là 376,75 tỷ đồng/ giá trị quyết toán dự án là 377,28 tỷ đồng.

I.3. Công tác tài chính và quản lý cổ đông

Thực hiện Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên - 2019, Công ty đã làm các thủ tục chi trả cổ tức năm 2018 (10%) bằng cổ phiếu. Tính đến nay, số cổ phần phổ thông Công ty phát hành là 33.339.891 cổ phần, tương ứng với vốn điều lệ là 333,39 tỷ đồng (EVNCPC chiếm 74,08%). Theo kế hoạch, trong năm 2019 Công ty thực hiện chào bán cổ phiếu với giá trị huy động dự kiến là 74,69 tỷ đồng để đầu tư dự án NMĐG Tân Lập. Tuy nhiên, theo tình hình thực tế của dự án, Công ty đã không thực hiện phương án chào bán cổ phiếu cho các cổ đông hiện hữu.

Công ty thường xuyên theo dõi, quản lý nguồn tiền và kế hoạch giải ngân nên chủ động trong việc cân đối, sử dụng hiệu quả các nguồn tiền. Công ty đã chủ động giảm chi phí hoạt động, chỉ chi tiêu cho các công việc thực sự cần thiết, hoãn chi các khoản chưa cần thiết. Tổng chi phí phục vụ cho hoạt

động trong năm 2019 là 20,63 tỷ đồng, bằng 72,33% giá trị đã được HĐQT phê duyệt (28,52 tỷ đồng).

Công ty đã thực hiện tốt nghĩa vụ thuế, nộp ngân sách cả năm là 25,81 tỷ đồng.

Công tác quản lý cổ đông được thực hiện đầy đủ theo quy định của Nhà nước đối với loại hình công ty đại chúng lớn, không để xảy ra sai sót hay khiếu nại của cổ đông.

I.4. Công tác quản trị công ty

Năm 2019, để đổi mới phương thức quản lý và đánh giá hiệu quả công tác, Công ty đã xây dựng hệ thống KPI, tổ chức đào tạo cho các cấp lãnh đạo công ty, các bộ phận và toàn thể CBCNV về nhận thức, cách thức xây dựng và triển khai thực hiện hệ thống KPI. Công ty đã hoàn thành và ban hành tạm thời Bản đồ chiến lược, Bản điểm cân bằng cấp công ty, các bộ phận đang hoàn chỉnh để tiếp tục ban hành Bản điểm cân bằng và Bản phân tích, đánh giá công việc của từng cá nhân/vị trí công tác ở cấp bộ phận.

Công ty tiếp tục duy trì và thực hiện có hiệu quả hệ thống QLCL theo tiêu chuẩn ISO, đã ban hành lại 37 quy trình theo phiên bản ISO 9001:2015. Ngày 02/4/2019, Công ty được đơn vị tư vấn độc lập - Trung tâm kỹ thuật tiêu chuẩn đo lường chất lượng 2 cấp Giấy chứng hệ thống QLCL theo tiêu chuẩn ISO 9001:2015 cho lĩnh vực Quản lý ĐTXD các dự án nguồn điện và Sản xuất kinh doanh điện năng. Công ty đã tổ chức kiểm tra nhận thức về quy trình ISO, VHDN và chuyên môn nghiệp vụ cho lãnh đạo bộ phận và toàn thể CBCNV theo hình thức thi trắc nghiệm. Đợt kiểm tra đã nhận được sự hưởng ứng của toàn thể CBCNV, tạo chuyển biến tích cực về việc tự học tập, nghiên cứu và áp dụng các quy trình, quy định của Công ty vào thực tiễn công tác.

Công ty duy trì phong trào cải tiến kỹ thuật, hợp lý hóa trong tác nghiệp; có 4 giải pháp hợp lý hóa trong công việc được công nhận và áp dụng đã góp phần mang lại hiệu quả thiết thực trong hoạt động SXKD, giảm chi phí sản xuất, tăng giá bán điện bình quân. Trong đó, có giải pháp cải tiến công tác bảo trì các NMTĐ theo phương pháp tư duy dựa trên rủi ro (RBM) đem lại hiệu quả về chi phí, thời gian và chất lượng thiết bị.

Để đầu tư vào nguồn nhân lực, Công ty đã chú trọng công tác đào tạo, đã cử 100 lượt CBCNV tham gia các lớp đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ, gồm: tiếng Anh (19 người đang học), cán bộ quản lý của EVN (5 người), bồi dưỡng ANQP đối tượng 3 (4 người), huấn luyện ATVSLĐ (32 người) và bồi huấn PCCC (40 người).

Trong năm, tại Văn phòng công ty có 2 Đoàn kiểm tra của Cục Thuế Đà Nẵng và Cơ quan Y tế về tình hình chấp hành pháp luật về thuế và công tác y tế. Kết quả kiểm tra đều đạt yêu cầu, không có vi phạm quy định của pháp luật.

Về lao động, tính đến ngày 31/12/2019, Công ty có 68 người, tăng 01 người so với năm 2018. Tất cả CBCNV được đóng bảo hiểm (BHYT, BHTN, BHXH) theo quy định và đảm bảo các quyền lợi theo Bộ Luật lao động. Công tác dân chủ cơ sở được Công ty thực hiện đúng quy định, nên không có tình trạng khiếu nại hay tranh chấp về lao động. Năm 2019, công tác đầu tư xây dựng đã thu hẹp do công trình NMTĐ Đa Krông 1 đã hoàn thành, nhưng Công ty đã cố gắng đảm bảo công việc cho CBCNV, không để xảy ra tình trạng dôi dư lao động.

Công ty đã tổ chức thực hiện tốt công tác xã hội, từ thiện, phụng dưỡng Mẹ VNAH, tham gia đóng góp ủng hộ các hoạt động xã hội với tổng số tiền là 44,71 triệu đồng.

PHẦN II KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG NĂM 2020

Hưởng ứng chủ đề năm 2020 của EVN “Tập trung hoàn thành toàn diện kế hoạch 5 năm 2016-2020” và chủ đề “Năm An toàn lao động” của EVNCPC; căn cứ tình hình thực tế của Công ty và dự báo tình hình hạn hán sẽ còn kéo dài, Công ty đề ra các nhiệm vụ, giải pháp như sau:

II.1. Kế hoạch sản xuất kinh doanh điện năng

Tổ chức vận hành các nhà máy thủy điện với các chỉ tiêu sau đây:

- Tổng sản lượng điện phát ước đạt 81,43 triệu kWh (Đăk Pône đạt 57 triệu kWh và Đa Krông 1 đạt 24,43 triệu kWh).

- Tổng doanh thu ước đạt 104,06 tỷ đồng [Trong đó, doanh thu sản xuất điện ước đạt 103,61 tỷ đồng (Đăk Pône đạt 63,51 tỷ đồng và Đa Krông 1 đạt 40,10 tỷ đồng) và doanh thu khác đạt 0,45 tỷ đồng].

- Tổng lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp ước đạt 19,56 tỷ đồng; cổ tức năm 2020 dự kiến (5÷6)%.

- Tiếp tục chủ động áp dụng phương pháp bảo trì dựa trên rủi ro (RBM) để thực hiện hoàn thành kế hoạch bảo trì các nhà máy thủy điện, đảm bảo sẵn sàng năng lực phát điện theo thiết kế.

- Không để xảy ra tai nạn lao động, không vi phạm quy trình tác nghiệp và không vi phạm các quy định của Nhà nước về phòng chống cháy nổ, phòng chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn, an toàn vệ sinh lao động và bảo vệ môi trường.

Bảng 3: Kế hoạch hoạt động SXKD năm 2020

Đơn vị: triệu đồng

TT	Chỉ tiêu	Thực hiện 2019	Kế hoạch 2020		
			Tổng cộng	Đăk Pône	Đa Krông 1
1	Tổng sản lượng điện phát (GWh)	77,01	81,43	57,00	24,43
2	Tổng doanh thu (2.1+2.2+2.3)	103.264,46	104.060,53	63.758,03	40.302,50

TT	Chỉ tiêu	Thực hiện 2019	Kế hoạch 2020		
			Tổng cộng	Đăk Pône	Đa Krông I
2.1	Doanh thu SX điện	98.372,33	103.610,53	63.508,03	40.102,50
2.2	Doanh thu tài chính	465,59	450,00	250,00	200,00
2.3	Doanh thu hoạt động khác	4.426,54	0,00	0,00	0,00
3	Tổng chi phí (3.1+3.2+3.3)	84.144,04	83.360,92	35.420,58	47.940,34
3.1	Chi phí SX điện	61.909,32	66.280,79	35.420,58	30.860,21
3.2	Chi phí tài chính	17.859,12	17.080,13	0,00	17.080,13
3.3	Chi phí hoạt động khác	4.375,60	0,00	0,00	0,00
4	Lợi nhuận trước thuế (2)-(3)	19.120,42	20.699,61	28.337,45	-7.631,84
5	Thuế thu nhập doanh nghiệp	590,11	1.134,98		
6	Lợi nhuận sau thuế TNDN (4)-(5)	18.530,31	19.564,63		

II.2. Kế hoạch đầu tư xây dựng

II.2.1. Dự án NMĐG Tân Lập - 30MW

Tiếp tục theo dõi, giải trình với Bộ Công thương để phê duyệt bổ sung quy hoạch dự án NMĐG Tân Lập; chuẩn bị nguồn lực để sẵn sàng triển khai khảo sát, lập BCNCKT dự án sau khi dự án được phê duyệt bổ sung quy hoạch.

II.2.2. Dự án thủy điện Đăk Pône - NMTĐ hồ B và Nâng đập hồ A

Làm việc với Địa phương để thúc đẩy việc điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất; thực hiện các thủ tục thẩm định TKCS với cơ quan quản lý nhà nước; phê duyệt BCNCKT; lập TKBVTC-DT; lựa chọn nhà thầu xây lắp - thiết bị; nếu hoàn tất sớm việc điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất thì sẽ triển khai đền bù giải phóng mặt bằng và có thể thực hiện một số công tác thực địa.

II.2.3. Dự án SCADA NMTĐ Đăk Pône

Hoàn thành công trình SCADA NMTĐ Đăk Pône, đưa vào vận hành tháng 5/2020 và quyết toán công trình.

II.3. Kế hoạch giải ngân ĐTXD

Bảng 4: Kế hoạch giải ngân ĐTXD năm 2020

Đơn vị: tỷ đồng

TT	Nội dung	Giải ngân
1	Dự án TĐ Đăk Pône - NMTĐ hồ B và Nâng đập hồ A	6,95
2	Dự án SCADA NMTĐ Đăk Pône	2,29
3	Dự án NMĐG Tân Lập	0,86
	Tổng cộng	10,10

II.4. Công tác quản trị công ty

Công ty đã đặt ra 4 mục tiêu và 8 giải pháp để tổ chức thực hiện thành công các nhiệm vụ sản xuất kinh doanh, đầu tư xây dựng, cải tiến và phát triển năng lực quản lý, thúc đẩy tăng hiệu quả công tác. Theo đó, Công ty sẽ tập trung vào các mảng công việc sau:

- Tiếp tục công tác quản trị sản xuất chặt chẽ; thực hiện phương pháp bảo trì dựa trên rủi ro (Risk Based Maintenance) để nâng cao hiệu quả SXKD, tăng năng suất lao động; đảm bảo ATVSLĐ và tuân thủ các quy định pháp luật trong hoạt động sản xuất, vận hành nhà máy thủy điện.

- Chú trọng kiểm soát tính tuân thủ về trình tự, thủ tục trong đầu tư xây dựng; tiếp tục ứng dụng quản lý tiến độ đầu tư xây dựng dự án theo phương pháp PERT (Program and Evaluation Review Technique); tăng cường kiểm soát để không phát sinh các tồn tại, sai sót có thể xảy ra.

- Sử dụng hệ thống KPI để đánh giá hiệu quả công tác; duy trì hiệu lực, hiệu quả hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 9001:2015, tiêu chuẩn Kaizen 5S và VHDN trong các lĩnh vực SXKD và ĐTXD; tiếp tục triển khai giải pháp cải tiến công tác quản lý (đã thực hiện từ năm 2019).

- Củng cố, phát triển nguồn nhân lực đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ: tiếp tục công tác đào tạo lực lượng lao động đi đôi với việc nâng cao chất lượng sát hạch, kiểm tra; củng cố bộ máy, lực lượng cán bộ đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ; ổn định việc làm và thu nhập cho người lao động; cải thiện môi trường làm việc, góp phần xây dựng hình ảnh, uy tín của Công ty.

Công ty xin chân thành cảm ơn sự tin tưởng, ủng hộ của quý cổ đông trong thời gian qua và rất mong tiếp tục nhận được sự giúp đỡ của quý vị để Công ty tổ chức thực hiện thắng lợi kế hoạch năm 2020 và những năm kế tiếp.

Xin kính chúc các quý vị cổ đông sức khỏe, hạnh phúc và thành công!

**CÔNG TY CỔ PHẦN
ĐẦU TƯ ĐIỆN LỰC 3**

Số: 46 /TTr-HĐQT

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Đà Nẵng, ngày 01 tháng 6 năm 2020

TỜ TRÌNH

Về việc thông qua báo cáo tài chính năm 2019 đã được kiểm toán

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Đầu tư Điện lực 3

Căn cứ Điều lệ của Công ty Cổ phần Đầu tư Điện lực 3;

Căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên - 2019,

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông báo cáo tài chính năm 2019 đã được kiểm toán để thông qua.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



Ngô Tấn Hồng

**CÔNG TY CỔ PHẦN
ĐẦU TƯ ĐIỆN LỰC 3**

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2019



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ ĐIỆN LỰC 3

Địa chỉ: 78A Duy Tân, Phường Hòa Thuận Đông, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

MỤC LỤC

	Trang
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	1 – 2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	3 – 4
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
Bảng cân đối kế toán	5 – 6
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	7
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	8
Bản thuyết minh báo cáo tài chính	9 – 31

7
S
C
I
E
T

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ ĐIỆN LỰC 3

Địa chỉ: 78A Duy Tân, Phường Hòa Thuận Đông, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư Điện lực 3 (dưới đây gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với các báo cáo tài chính đính kèm đã được kiểm toán của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị trong năm và vào ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

<u>Tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Ông Ngô Tấn Hồng	Chủ tịch
Ông Nguyễn Lương Minh	Thành viên
Bà Nguyễn Thị Hương	Thành viên
Ông Nguyễn Thanh Lâm	Thành viên
Ông Võ Hòa	Thành viên
Ông Phạm Phong	Thành viên

Danh sách các thành viên Ban Kiểm soát trong năm và vào ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

<u>Tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Ông Nguyễn Minh Hoài	Trưởng ban
Bà Lê Thị Minh Chính	Thành viên
Bà Phan Thị Thanh Lý	Thành viên

Danh sách các thành viên Ban Tổng Giám đốc trong năm và vào ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

<u>Tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Ông Nguyễn Lương Minh	Tổng Giám đốc
Ông Phạm Sĩ Huân	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Dương Long	Phó Tổng Giám đốc

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính kèm theo được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán & Tư vấn RSM Việt Nam – Chi nhánh Miền Trung, thành viên RSM Quốc tế.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hằng kỳ phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ Chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục; và
- Thiết kế và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế sai sót và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo rằng các sổ sách kế toán được ghi chép phù hợp và lưu giữ đầy đủ để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại bất kỳ thời điểm nào và báo cáo tài chính được lập tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam cũng như các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam. Ban Tổng Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn tài sản của Công ty và thực hiện những biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập báo cáo tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ ĐIỆN LỰC 3

Địa chỉ: 78A Duy Tân, Phường Hòa Thuận Đông, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)

CÔNG BỐ BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc Công ty công bố rằng báo cáo tài chính kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2019, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc



Nguyễn Lương Minh
Tổng Giám đốc
Đà Nẵng, ngày 14 tháng 02 năm 2020

Số: 07/BCKT/2020-RSMMT

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Các thành viên Hội đồng quản trị
Các thành viên Ban Tổng Giám đốc
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ ĐIỆN LỰC 3**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Đầu tư Điện lực 3 (dưới đây gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 14/02/2020 từ trang 05 đến trang 31, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến chúng tôi, báo cáo tài chính đính kèm đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Đầu tư Điện lực 3 tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (TIẾP THEO)

Vấn đề Cần nhấn mạnh

Như đã trình bày tại mục 3.1 của Bản thuyết minh báo cáo tài chính, Công ty quyết định hồi tố một số khoản mục của Báo cáo tài chính năm 2018 do thay đổi phương pháp tính khấu hao các tài sản cố định thuộc dự án Nhà máy thủy điện Đa Krông 1 từ phương pháp khấu hao theo số lượng, khối lượng sản phẩm sang phương pháp khấu hao theo đường thẳng.



Trần Dương Nghĩa
Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán số:
1309-2018-026-1

Kim Văn Việt
Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán số:
1486-2018-026-1

Công ty TNHH Kiểm toán & Tư vấn RSM Việt Nam
Chi nhánh Miền Trung
Đà Nẵng, ngày 14 tháng 02 năm 2020

Như đã trình bày tại Mục 2.1 của Bản thuyết minh báo cáo tài chính, báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước ngoài Việt Nam.

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31/12/2019

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	TM	Tại ngày 31/12/2019	Tại ngày 01/01/2019
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		50.508.013.870	36.946.773.394
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4.1	16.811.580.232	10.454.473.201
1. Tiền	111		577.672.461	233.414.182
2. Các khoản tương đương tiền	112		16.233.907.771	10.221.059.019
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		5.000.000.000	-
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	4.2	5.000.000.000	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		17.243.941.661	17.124.416.676
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	4.3	16.533.106.814	14.658.782.449
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	4.4	239.429.800	504.029.100
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	4.5	471.405.047	1.961.605.127
IV. Hàng tồn kho	140	4.6	1.098.661.910	1.107.167.610
1. Hàng tồn kho	141		1.098.661.910	1.107.167.610
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		10.353.830.067	8.260.715.907
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	4.7	126.260.389	25.300.641
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		8.560.750.656	8.232.151.589
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	4.8	1.666.819.022	3.263.677
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		510.289.728.814	534.472.314.439
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
II. Tài sản cố định	220		496.703.291.531	526.663.935.465
1. Tài sản cố định hữu hình	221	4.9	491.620.597.028	521.790.248.829
Nguyên giá	222		646.962.941.055	651.770.006.786
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(155.342.344.027)	(129.979.757.957)
2. Tài sản cố định vô hình	227	4.10	5.082.694.503	4.873.686.636
Nguyên giá	228		5.142.799.409	4.926.567.289
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(60.104.906)	(52.880.653)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		6.482.203.272	4.194.367.685
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	4.11	6.482.203.272	4.194.367.685
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		7.104.234.011	3.614.011.289
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	4.7	5.170.661.168	1.849.064.712
2. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		1.933.572.843	1.764.946.577
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		560.797.742.684	571.419.087.833

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ ĐIỆN LỰC 3

Địa chỉ: 78A Duy Tân, Phường Hòa Thuận Đông, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

Mẫu B 01 - DN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

Tại ngày 31/12/2019

NGUỒN VỐN	Mã số	TM	Tại ngày 31/12/2019	Tại ngày 01/01/2019
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		207.394.235.751	231.914.887.067
I. Nợ ngắn hạn	310		32.438.302.221	58.463.351.058
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	4.12	907.608.859	20.157.953.440
2. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	4.8	3.465.395.909	4.328.709.631
3. Phải trả người lao động	314		4.281.292.313	8.894.780.837
4. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	4.13	921.721.221	340.855.636
5. Phải trả ngắn hạn khác	319	4.14	2.812.200.388	6.086.124.073
6. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	4.15	17.247.328.225	17.154.169.454
7. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		2.802.755.306	1.500.757.987
II. Nợ dài hạn	330		174.955.933.530	173.451.536.009
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	4.15	174.955.933.530	173.451.536.009
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		353.403.506.933	339.504.200.766
I. Vốn chủ sở hữu	410	4.16	353.403.506.933	339.504.200.766
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		333.398.910.000	303.110.660.000
Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		333.398.910.000	303.110.660.000
Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		(35.000.000)	(35.000.000)
3. Quỹ đầu tư phát triển	418		1.131.301.456	1.131.301.456
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		18.908.295.477	35.297.239.310
LNST chưa phân phối lũy kế đến CK trước	421a		377.989.310	8.575.585.718
LNST chưa phân phối kỳ này	421b		18.530.306.167	26.721.653.592
II. Nguồn kinh phí, quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		560.797.742.684	571.419.087.833



Nguyễn Lương Minh
Tổng Giám đốc

Đà Nẵng, ngày 14 tháng 02 năm 2020

Đặng Thị Thu Nga
Kế toán trưởng

Lê Thị Hiền
Người lập

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Năm 2019	Năm 2018
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	5.1	98.372.330.448	105.993.480.848
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		98.372.330.448	105.993.480.848
4. Giá vốn hàng bán	11	5.2	51.074.880.943	49.038.622.792
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		47.297.449.505	56.954.858.056
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	5.3	465.587.269	673.096.883
7. Chi phí tài chính	22	5.4	17.859.120.083	17.241.757.793
<i>Trong đó, chi phí lãi vay</i>	23		<i>17.857.147.389</i>	<i>17.241.750.025</i>
8. Chi phí bán hàng	25		-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	5.5	10.834.440.356	11.813.078.532
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		19.069.476.335	28.573.118.614
11. Thu nhập khác	31	5.6	4.426.539.560	89.420.519
12. Chi phí khác	32	5.7	4.375.595.060	6.791.170
13. Lợi nhuận khác	40		50.944.500	82.629.349
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		19.120.420.835	28.655.747.963
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	5.9	590.114.668	1.934.094.371
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		18.530.306.167	26.721.653.592
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	4.16.5	556	729
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	4.16.6	556	729



Nguyễn Lương Minh
Tổng Giám đốc

Đà Nẵng, ngày 14 tháng 02 năm 2020

Đặng Thị Thu Nga
Kế toán trưởng

Lê Thị Hiền
Người lập

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Năm 2019	Năm 2018
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		19.120.420.835	28.655.747.963
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02		25.367.351.344	26.330.062.487
Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		372.862	7.768
Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(463.987.437)	(761.853.592)
Chi phí lãi vay	06		17.857.147.389	17.241.750.025
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08		61.881.304.993	71.465.714.651
Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(594.713.731)	(5.612.680.256)
Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(160.120.566)	(2.060.886.161)
Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		(7.862.734.115)	324.110.798
Tăng giảm chi phí trả trước	12		(3.422.556.204)	(1.547.984.089)
Tiền lãi vay đã trả	14		(17.852.221.934)	(17.056.608.318)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(2.602.441.565)	(2.035.019.697)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		40.000.000	-
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17		(3.369.002.681)	(3.132.117.991)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		26.057.514.197	40.344.528.937
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(16.601.677.312)	(11.880.442.976)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		-	88.788.819
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của các đơn vị khác	23		(5.000.000.000)	-
4. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		394.852.816	676.513.579
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(21.206.824.496)	(11.115.140.578)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
1. Tiền thu từ đi vay	33	6.1	30.351.725.728	53.790.728.551
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	6.2	(28.754.169.436)	(57.123.426.922)
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho sở hữu	36		(90.766.100)	(29.487.049.900)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		1.506.790.192	(32.819.748.271)
LƯU CHUYỂN THUẦN TRONG NĂM	50		6.357.479.893	(3.590.359.912)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60		10.454.473.201	14.044.840.881
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		(372.862)	(7.768)
TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN CUỐI NĂM	70		16.811.580.232	10.454.473.201



Nguyễn Lương Minh
 Tổng Giám đốc
 Đà Nẵng, ngày 14 tháng 02 năm 2020

Đặng Thị Thu Nga
 Kế toán trưởng

Lê Thị Hiền
 Người lập

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP****1.1. Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Đầu tư Điện lực 3 (dưới đây gọi tắt là “Công ty”) được thành lập trên cơ sở cổ phần hóa Ban quản lý Dự án các Công trình Thủy điện vừa và nhỏ. Công ty là đơn vị hạch toán độc lập, hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3203001787 ngày 02 tháng 01 năm 2008 của Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Đà Nẵng, Luật Doanh nghiệp, Điều lệ công ty và các quy định pháp lý hiện hành có liên quan. Từ khi thành lập đến nay, Công ty đã 08 lần điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và lần điều chỉnh gần nhất vào ngày 11 tháng 09 năm 2019 với mã số doanh nghiệp là 0400599162.

Công ty đã được chấp thuận giao dịch cổ phiếu niêm yết trên thị trường HNX tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội theo Quyết định số 828/QĐ-SGDHN ngày 14 tháng 12 năm 2016 của Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội với mã chứng khoán PIC. Ngày giao dịch đầu tiên của mã chứng khoán PIC là ngày 09 tháng 01 năm 2017 (theo sự chấp thuận của Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội tại thông báo số 1356/TB-SGDHN ngày 27 tháng 12 năm 2016).

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp là 333.398.910.000 VND được chi tiết như sau:

Nhà đầu tư	Quốc gia/ Quốc tịch	Tại ngày 31/12/2019		Tại ngày 01/01/2019	
		Giá trị (VND)	Tỷ lệ (%)	Giá trị (VND)	Tỷ lệ (%)
Tổng Công ty Điện lực Miền trung	Việt Nam	246.989.600.000	74,08	224.536.000.000	74,08
Các cổ đông khác		86.409.310.000	25,92	78.574.660.000	25,92
Cộng		333.398.910.000	100,00	303.110.660.000	100,00

Trụ sở chính đăng ký hoạt động kinh doanh của Công ty được đặt tại 78A Duy Tân, Phường Hòa Thuận Đông, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam.

1.2. Lĩnh vực kinh doanh chính

Đầu tư xây dựng các dự án nguồn điện, sản xuất kinh doanh điện năng.

1.3. Ngành nghề kinh doanh

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, ngành nghề kinh doanh chính của Công ty là:

- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác. Chi tiết: Đầu tư xây dựng các dự án nguồn điện. Đầu tư theo phương thức hợp đồng xây dựng – kinh doanh – chuyển giao cho các công trình giao thông, công nghiệp. Xây dựng và kinh doanh nhà, văn phòng cho thuê. Xây lắp các công trình thủy lợi, thủy điện, giao thông, bưu chính viễn thông, đường dây truyền tải và phân phối điện, trạm biến thế, công trình cấp thoát nước;
- Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan. Chi tiết: Tư vấn lập dự án đầu tư, lập thiết kế và giám sát các công trình xây dựng dân dụng, công nghiệp, thủy lợi, thủy điện, giao thông, lưới điện;
- Xây dựng nhà các loại. Chi tiết: Xây lắp các công trình xây dựng dân dụng, công nghiệp;
- Chuẩn bị mặt bằng. Chi tiết: San lấp mặt bằng;
- Hoàn thiện công trình xây dựng. Chi tiết: Trang trí nội thất;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê. Chi tiết: Kinh doanh bất động sản;

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

- Dịch vụ lưu trú ngắn ngày. Chi tiết: Kinh doanh khách sạn;
- Giáo dục nghề nghiệp. Chi tiết: Đào tạo nghề ngắn hạn;
- Lắp đặt hệ thống xây dựng khác. Chi tiết: Lắp đặt các cấu kiện bê tông, kết cấu thép, thang máy, hệ thống điều hòa, thông gió, thiết bị phòng cháy, cấp thoát nước, đường ống công nghệ và áp lực, thiết bị điện lạnh;
- Sản xuất, truyền tải và phân phối điện. Chi tiết: Sản xuất, kinh doanh điện năng;
- Đại lý du lịch. Chi tiết: Dịch vụ du lịch;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác. Chi tiết: Bán buôn thiết bị phục vụ cho xây dựng, vật tư, thiết bị điện;
- Khai thác thủy sản nội địa. Chi tiết: Khai thác thủy sản lồng hồ gắn liền với các công trình thủy điện;
- Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác. Chi tiết: Nạo vét lòng hồ gắn liền với các công trình thủy điện.

1.4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

1.5. Cấu trúc doanh nghiệp

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, Công ty có 02 đơn vị trực thuộc là: Chi nhánh Công ty Cổ phần Đầu tư Điện lực 3 tại KonTum (địa chỉ: Thôn Măng Đen, Xã Đăk Lông, Huyện Kon Plong, Tỉnh Kon Tum, Việt Nam) và Chi nhánh Công ty Cổ phần Đầu tư Điện lực 3 tại Quảng Trị (địa chỉ: Thôn Húc Nghi, Xã Húc Nghi, Huyện Đa Krông, Tỉnh Quảng Trị, Việt Nam).

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH

2.1. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

2.2. Hình thức sổ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ.

2.3. Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

2.4. Đơn vị tiền tệ trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là VND.

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU ĐƯỢC ÁP DỤNG

3.1. Thay đổi chính sách kế toán

Các chính sách kế toán của Công ty sử dụng để lập báo cáo tài chính được áp dụng nhất quán với các chính sách đã được sử dụng để lập báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018, ngoại trừ chính sách khấu hao tài sản cố định đối với tài sản là máy móc thiết bị

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

và thiết bị vận chuyển đường ống của Nhà máy Thủy điện Đa Krông 1 thay đổi từ phương pháp trích khấu hao theo sản lượng sang phương pháp trích khấu hao đường thẳng và được hồi tố lại số liệu báo cáo tài chính năm 2018 như mô tả tại mục 10.

3.2. Ngoại tệ

- Tỷ giá áp dụng khi ghi nhận và đánh giá lại tài sản là tỷ giá mua ngoại tệ;
- Tỷ giá áp dụng khi ghi nhận và đánh giá lại nợ phải trả là tỷ giá bán ngoại tệ.

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được hạch toán theo tỷ giá hối đoái giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ. Các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh trong quá trình thanh toán được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ. Số dư các khoản mục tiền, nợ phải thu, nợ phải trả có gốc ngoại tệ, ngoại trừ số dư các khoản trả trước cho người bán bằng ngoại tệ, số dư chi phí trả trước bằng ngoại tệ và số dư doanh thu nhận trước bằng ngoại tệ, được chuyển đổi sang đồng tiền hạch toán theo tỷ giá hối đoái giao dịch thực tế vào ngày lập bảng cân đối kế toán. Chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh do đánh giá lại số dư ngoại tệ cuối kỳ sau khi bù trừ tăng giảm được hạch toán vào kết quả kinh doanh trong kỳ.

3.3. Các ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định có ảnh hưởng đến các số liệu về tài sản, nợ phải trả và việc trình bày các tài sản và nợ tiềm tàng tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 cũng như các khoản doanh thu, chi phí cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2019. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

3.4. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

Các khoản tương đương tiền được xác định phù hợp với Chuẩn mực kế toán "Báo cáo lưu chuyển tiền tệ".

3.5. Đầu tư tài chính

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn gồm các khoản như các khoản tiền gửi có kỳ hạn, trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai, các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ, và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hay toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được thì số tổn thất đó được ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm.

3.6. Nợ phải thu

Nguyên tắc ghi nhận

Các khoản phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác sau khi trừ đi các khoản dự phòng được lập cho các khoản nợ phải thu khó đòi.

Nguyên tắc dự phòng phải thu khó đòi

Tại thời điểm lập báo cáo tài chính, dự phòng nợ phải thu khó đòi được lập cho các khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán và các khoản nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng có khả năng không thu hồi được đúng hạn với mức trích lập phù hợp với mức quy định tại Thông tư số 48/2019/TT-BTC

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

ngày 08 tháng 08 năm 2019 của Bộ Tài chính để bảo đảm phản ánh giá trị các khoản nợ phải thu không cao hơn giá trị có thể thu hồi được.

Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng phải thu khó đòi được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

3.7. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên tắc ghi nhận và xác định giá trị ban đầu

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Trường hợp mua tài sản cố định được kèm thêm thiết bị, phụ tùng thay thế thì xác định và ghi nhận riêng thiết bị, phụ tùng thay thế theo giá trị hợp lý và được trừ (-) khỏi nguyên giá tài sản cố định hữu hình.

Phương pháp khấu hao

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng, trong suốt thời gian hữu dụng dự tính của tài sản.

Thời gian khấu hao ước tính cho một số nhóm tài sản như sau:

Năm 2019

- | | |
|-----------------------------------|-------------|
| ▪ Nhà cửa, vật kiến trúc | 10 – 50 năm |
| ▪ Máy móc, thiết bị | 05 – 20 năm |
| ▪ Phương tiện vận tải, truyền dẫn | 06 – 30 năm |
| ▪ Thiết bị, dụng cụ quản lý | 05 năm |

3.8. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên tắc ghi nhận và xác định giá trị ban đầu

Nguyên giá là toàn bộ các chi phí mà doanh nghiệp bỏ ra để có được tài sản cố định vô hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sử dụng theo dự tính.

Nguyên tắc kế toán các tài sản cố định vô hình

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất được trình bày theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Quyền sử dụng đất vô thời hạn không trích khấu hao.

Phần mềm máy vi tính

Phần mềm máy vi tính không phải là cấu phần không thể thiếu của phần cứng thì được ghi nhận như tài sản cố định vô hình và được khấu hao theo thời gian sử dụng hữu ích.

3.9. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan được hạch toán phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc trích khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các chi phí này sẽ được chuyển sang là nguyên giá tài sản cố định theo giá tạm tính nếu chưa có quyết toán được phê duyệt khi các tài sản được bàn giao đưa vào sử dụng.

3.10. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước được phân loại là chi phí trả trước ngắn hạn và chi phí trả trước dài hạn theo kỳ hạn gốc và chủ yếu là chi phí liên quan đến giá vốn công cụ, dụng cụ, chi phí sửa chữa... Các khoản này được phân bổ trong thời gian trả trước của chi phí hoặc trong khoảng thời gian mà lợi ích kinh tế được dự kiến tạo ra.

Các loại chi phí sau đây được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh:

- Công cụ dụng cụ đã xuất dùng được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian không quá 3 năm;
- Các chi phí trả trước khác: Căn cứ vào tính chất, mức độ chi phí, Công ty lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ phù hợp trong thời gian mà lợi ích kinh tế được dự kiến tạo ra.

3.11. Nợ phải trả

Nợ phải trả được phân loại là phải trả người bán và phải trả khác theo nguyên tắc: Phải trả người bán là khoản phải trả có tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua bán hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với người mua; Các khoản phải trả còn lại được phân loại là phải trả khác.

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn gốc, kỳ hạn còn lại tại thời điểm báo cáo, theo nguyên tệ và theo từng đối tượng.

Nợ phải trả được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán.

3.12. Chi phí đi vay

Nguyên tắc vốn hóa chi phí đi vay

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được vốn hóa vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh.

Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

3.13. Chi phí phải trả

Các khoản chi phí phải trả được ghi nhận cho giá trị phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

Chi phí phải trả của Công ty chủ yếu là chi phí lãi vay ước tính, chi phí trích trước cho Nhà máy thủy điện Đakrông 1 và Dự án Biệt thự PC3-INVEST, Công ty trích trước trên cơ sở hợp đồng.

3.14. Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo phần chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu, chênh lệch giữa giá mua lại cổ phiếu quỹ và giá tái phát hành cổ phiếu quỹ.

Cổ tức

Cổ tức được ghi nhận là một khoản phải trả vào ngày công bố cổ tức.

Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được phân phối cho các cổ đông sau khi được Đại hội cổ đông thông qua và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ Công ty và theo các quy định của pháp luật Việt Nam.

3.15. Doanh thu, thu nhập khác

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được. Trong hầu hết các trường hợp doanh thu được ghi nhận khi chuyển giao cho người mua phần lớn rủi ro và lợi ích kinh tế gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc hoàn thành vào ngày lập bảng cân đối kế toán của kỳ đó.

Lãi tiền gửi

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Thu nhập khác

Thu nhập khác là các khoản thu nhập ngoài hoạt động sản xuất, kinh doanh của Công ty, được ghi nhận khi có thể xác định được một cách tương đối chắc chắn và có khả năng thu được các lợi ích kinh tế.

3.16. Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ là tổng chi phí phát sinh của hàng hóa, dịch vụ bán ra trong kỳ theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu. Các khoản chi phí vượt trên mức bình thường của hàng tồn kho được ghi nhận ngay vào giá vốn hàng bán.

3.17. Chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí quản lý chung của doanh nghiệp gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp (tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp,...); bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý doanh nghiệp; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động; khoản lập dự phòng phải thu khó đòi; dịch vụ mua ngoài (điện, nước, điện thoại, fax, bảo hiểm tài sản, cháy nổ...); chi phí bằng tiền khác (tiếp khách, hội nghị khách hàng).

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

3.18. Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) hiện hành

- Thu nhập từ bán điện thương phẩm phát từ Nhà máy Thủy điện Đăk Pônê Tỉnh Kon Tum áp dụng mức thuế suất là 10% trong 15 năm kể từ khi bắt đầu hoạt động kinh doanh (từ năm 2010 đến năm 2024); được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong 4 năm (từ năm 2010 đến năm 2013) và giảm 50% số thuế phải nộp cho 09 năm tiếp theo (từ năm 2014 đến năm 2022) cho Dự án Đầu tư thuộc địa bàn có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn. Những ưu đãi này được quy định trong Thông tư số 130/2008/TT-BTC ngày 26/12/2008 của Bộ Tài chính.
- Hoạt động kinh doanh khác: Áp dụng thuế suất theo quy định hiện hành.

Thuế giá trị gia tăng

Thuế giá trị gia tăng của các hàng hóa và dịch vụ do Công ty cung cấp được tính theo mức thuế suất 10%.

Các loại thuế khác

Áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, dẫn đến số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

3.19. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế của Công ty sau khi trích quỹ khen thưởng, phúc lợi, quỹ khen thưởng Ban điều hành cho tổng số bình quân số cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ, không bao gồm số cổ phiếu được Công ty mua lại và giữ làm cổ phiếu ngân quỹ.

3.20. Lãi suy giảm trên cổ phiếu

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế của Công ty sau khi trích quỹ khen thưởng, phúc lợi, quỹ khen thưởng Ban điều hành cho tổng số bình quân số cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ và tổng số cổ phiếu phổ thông dự kiến được phát hành thêm, không bao gồm số cổ phiếu được Công ty mua lại và giữ làm cổ phiếu ngân quỹ.

3.21. Báo cáo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ riêng lẻ, một nhóm sản phẩm hoặc dịch vụ có liên quan (bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh), hoặc tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận theo khu vực địa lý), mỗi bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác biệt với các bộ phận kinh doanh khác hoặc khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

3.22. Các bên liên quan

Các bên liên quan là các doanh nghiệp, các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty. Công ty liên kết, các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty dẫn đến có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt bao gồm các giám đốc, các cán bộ điều hành của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này hoặc các công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là các bên liên quan.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

4. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

4.1. Tiền và các khoản tương tiền

	Tại ngày 31/12/2019 VND	Tại ngày 01/01/2019 VND
Tiền mặt	100.692.470	29.694.730
Tiền gửi ngân hàng	476.979.991	203.719.452
Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn dưới 3 tháng	16.233.907.771	10.221.059.019
Cộng	16.811.580.232	10.454.473.201

4.2. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	Tại ngày 31/12/2019 VND		Tại ngày 01/01/2019 VND	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
Ngắn hạn:				
Tiền gửi có kỳ hạn	5.000.000.000	5.000.000.000	-	-
Cộng	5.000.000.000	5.000.000.000	-	-

4.3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	Tại ngày 31/12/2019 VND	Tại ngày 01/01/2019 VND
Phải thu khách hàng là bên liên quan - Xem thêm mục 8	16.533.106.814	14.658.782.449
Cộng	16.533.106.814	14.658.782.449

4.4. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	Tại ngày 31/12/2019 VND	Tại ngày 01/01/2019 VND
Công ty TNHH Kỹ thuật ứng dụng VN	-	164.889.600
Công ty Cổ phần tư vấn xây dựng điện 3	232.000.000	-
Các đối tượng khác	7.429.800	194.273.000
Trả trước cho người bán là bên liên quan - Xem thêm mục 8	-	144.866.500
Cộng	239.429.800	504.029.100

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

4.5. Phải thu ngắn hạn khác

	Tại ngày 31/12/2019		Tại ngày 01/01/2019	
	VND		VND	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Tạm ứng	-	-	57.826.136	-
Lãi dự thu	76.763.375	-	7.628.754	-
Phải thu khác	394.641.672	-	365.461.237	-
Phải thu khác là bên liên quan	-	-	1.530.689.000	-
- Xem thêm mục 8				
Cộng	471.405.047	-	1.961.605.127	-

4.6. Hàng tồn kho

	Tại ngày 31/12/2019		Tại ngày 01/01/2019	
	VND		VND	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	1.098.661.910	-	1.107.167.610	-
Cộng	1.098.661.910	-	1.107.167.610	-

Giá trị hàng tồn kho ứ đọng, kém, mất phẩm chất không có khả năng tiêu thụ tại thời điểm cuối năm là 0 VND.

Giá trị hàng tồn kho dùng để thế chấp, cầm cố bảo đảm các khoản phải trả tại thời điểm cuối năm là 0 VND.

4.7. Chi phí trả trước

	Tại ngày 31/12/2019 VND	Tại ngày 01/01/2019 VND
Ngắn hạn:		
Chi phí thuê văn phòng	54.000.000	-
Chi phí kiểm định, bảo hiểm xe và các chi phí khác	72.260.389	25.300.641
Cộng	126.260.389	25.300.641
Dài hạn:		
Chi phí công cụ, dụng cụ chờ phân bổ	321.788.098	559.812.263
Chi phí sửa chữa lớn TSCĐ, CP không hình thành TSCĐ và CP khác	4.848.873.070	1.289.252.449
Cộng	5.170.661.168	1.849.064.712

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

4.8. Thuế và các khoản phải thu, phải nộp Nhà nước

	Tại ngày 31/12/2019 VND		Trong năm VND		Tại ngày 01/01/2019 VND	
	Phải thu	Phải nộp	Phải nộp	Đã nộp /khấu trừ	Phải thu	Phải nộp
Thuế GTGT	3.263.677	2.118.212.587	9.591.181.332	9.189.789.693	3.263.677	1.716.820.948
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.663.555.345	-	590.114.668	2.602.441.565	-	348.771.552
Thuế thu nhập cá nhân	-	40.137.940	1.999.173.291	1.994.295.007	-	35.259.656
Thuế tài nguyên	-	942.915.174	7.049.460.919	7.053.683.818	-	947.138.073
Thuế môn bài	-	-	7.000.000	7.000.000	-	-
Các loại thuế khác	-	364.130.208	4.050.059.560	4.966.648.754	-	1.280.719.402
Cộng	1.666.819.022	3.465.395.909	23.286.989.770	25.813.858.837	3.263.677	4.328.709.631

4.9. Tài sản cố định hữu hình

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc, thiết bị VND	PI tiện vận tài, truyền dẫn VND	T/bị, dụng cụ quản lý VND	Tài sản cố định khác VND	Cộng VND
Nguyên giá:						
Tại ngày 01/01/2019	386.689.693.333	248.254.309.748	15.779.690.737	510.812.968	535.500.000	651.770.006.786
XDCB hoàn thành	18.883.518.274	(23.690.584.005)	-	-	-	(4.807.065.731)
Tại ngày 31/12/2019	405.573.211.607	224.563.725.743	15.779.690.737	510.812.968	535.500.000	646.962.941.055
Giá trị hao mòn lũy kế:						
Tại ngày 01/01/2019	56.489.266.994	66.284.442.804	6.767.725.358	215.197.801	223.125.000	129.979.757.957
Khấu hao trong năm	13.846.497.468	10.852.187.785	480.607.213	76.193.604	107.100.000	25.362.586.070
Tại ngày 31/12/2019	70.335.764.462	77.136.630.589	7.248.332.571	291.391.405	330.225.000	155.342.344.027
Giá trị còn lại:						
Tại ngày 01/01/2019	330.200.426.339	181.969.866.944	9.011.965.379	295.615.167	312.375.000	521.790.248.829
Tại ngày 31/12/2019	335.237.447.145	147.427.095.154	8.531.358.166	219.421.563	205.275.000	491.620.597.028

Giá trị còn lại cuối năm của TSCĐ hữu hình đã dùng thế chấp, cầm cố, đảm bảo cho các khoản vay là 313.818.874.712 VND.

Nguyên giá của TSCĐ hữu hình cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 1.007.026.999 VND.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

4.10. Tài sản cố định vô hình

Khoản mục	Quyền sử dụng đất VND	Phân mềm máy tính VND	Cộng VND
Nguyên giá:			
Tại ngày 01/01/2019	4.857.693.636	68.873.653	4.926.567.289
Mua trong năm	-	216.232.120	216.232.120
Tại ngày 31/12/2019	4.857.693.636	285.105.773	5.142.799.409
Giá trị hao mòn lũy kế:			
Tại ngày 01/01/2019	-	52.880.653	52.880.653
Khấu hao trong năm	-	7.224.253	7.224.253
Tại ngày 31/12/2019	-	60.104.906	60.104.906
Giá trị còn lại:			
Tại ngày 01/01/2019	4.857.693.636	15.993.000	4.873.686.636
Tại ngày 31/12/2019	4.857.693.636	225.000.867	5.082.694.503

Quyền sử dụng đất tại Lô 7 + Lô 8 Khu B2-54, KĐT sinh thái ven sông Hòa Xuân – GĐ 2, Phường Hòa Xuân, Quận Cẩm Lệ, Thành phố Đà Nẵng theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất.

Nguyên giá TSCĐ VH đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2019 là 33.333.653 VND.

Giá trị còn lại của TSCĐ VH dùng để cầm cố, thế chấp các khoản vay tại ngày 31/12/2019 là 0 VND.

4.11. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Tại ngày 31/12/2019 VND	Tại ngày 01/01/2019 VND
Công trình thủy điện Sông Tranh 5	2.900.248.952	2.900.248.952
Công trình thủy điện Đăk Pônê - Hồ B	1.411.292.208	535.194.637
Điện gió Tân Lập	1.899.436.985	758.924.096
Dự án kết nối SCADA NMTĐ Đăk Pônê	112.320.000	-
Biệt thự PC3-INVEST	158.905.127	-
Cộng	6.482.203.272	4.194.367.685

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

4.12. Phải trả người bán ngắn hạn

	Tại ngày 31/12/2019		Tại ngày 01/01/2019	
	VND		VND	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Công ty Cổ phần Sông Đà 505	-	-	8.021.929.300	8.021.929.300
Tổng Công ty cơ điện	-	-	2.431.954.000	2.431.954.000
Tổng Công ty Xây dựng Lũng Lô	100.000.000	100.000.000	6.589.979.255	6.589.979.255
Công ty Cổ phần Cơ khí & Lắp đặt máy Đại Hân	-	-	1.116.114.200	1.116.114.200
Công ty Cổ phần Phần mềm Bravo	87.704.000	87.704.000	-	-
Công ty TNHH Xây dựng và Thương mại Nguyễn Phát	98.871.080	98.871.080	-	-
Công ty Bảo hiểm PJICO Huế	61.152.876	61.152.876	-	-
Công ty CP Tư vấn và Kiểm định xây dựng V.C.L	64.354.050	64.354.050	-	-
Công ty TNHH Tư vấn Kỹ thuật Công nghệ	123.552.000	123.552.000	-	-
Công ty TNHH MTV Vĩnh Sơn	80.956.260	80.956.260	4.072.122	4.072.122
Các đối tượng khác	241.911.678	241.911.678	1.968.887.598	1.968.887.598
Phải trả người bán là bên liên quan	49.106.915	49.106.915	25.016.965	25.016.965
- Xem thêm mục 8				
Cộng	907.608.859	907.608.859	20.157.953.440	20.157.953.440

4.13. Chi phí phải trả ngắn hạn

	Tại ngày	Tại ngày
	31/12/2019	01/01/2019
	VND	VND
Chi phí lãi vay	345.781.091	340.855.636
Trích trước chi phí Công trình thủy điện Đakrông 1	433.426.103	-
Trích trước chi phí Dự án Biệt thự PC3-INVEST	52.719.127	-
Chi phí khác	89.794.900	-
Cộng	921.721.221	340.855.636

4.14. Phải trả ngắn hạn khác

	Tại ngày	Tại ngày
	31/12/2019	01/01/2019
	VND	VND
Tổng Công ty xây dựng Lũng Lô	-	2.727.000.000
Công ty bảo hiểm BIDV	50.110.160	50.110.160
Cổ tức phải trả	2.664.994.500	2.755.760.600
Phải trả khác	97.095.728	553.253.313
Cộng	2.812.200.388	6.086.124.073

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ ĐIỆN LỰC 3

Địa chỉ: 78A Duy Tân, Phường Hòa Thuận Đông, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**4.15. Vay và nợ thuê tài chính**

	Tại ngày 31/12/2019 VND		Trong năm VND		Tại ngày 01/01/2019 VND	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Vay ngắn hạn:						
Ngân hàng TMCP Phương Đông - Chi nhánh Trung Việt	-	-	11.600.000.000	11.600.000.000	-	-
Nợ vay dài hạn đến hạn trả:						
Ngân hàng TMCP Phương Đông - Chi nhánh Trung Việt	17.247.328.225	17.247.328.225	17.247.328.207	17.154.169.436	17.154.169.454	17.154.169.454
	17.247.328.225	17.247.328.225	17.247.328.207	17.154.169.436	17.154.169.454	17.154.169.454
Cộng	17.247.328.225	17.247.328.225	28.847.328.207	28.754.169.436	17.154.169.454	17.154.169.454
Vay dài hạn:						
Ngân hàng TMCP Phương Đông - Chi nhánh Trung Việt	174.955.933.530	174.955.933.530	18.751.725.728	17.247.328.207	173.451.536.009	173.451.536.009
	174.955.933.530	174.955.933.530	18.751.725.728	17.247.328.207	173.451.536.009	173.451.536.009
Cộng	174.955.933.530	174.955.933.530	18.751.725.728	17.247.328.207	173.451.536.009	173.451.536.009

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ ĐIỆN LỰC 3

Địa chỉ: 78A Duy Tân, Phường Hòa Thuận Đông, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

(*) Vay dài hạn tại Ngân hàng TMCP Phương Đông - Chi nhánh Trung Việt theo Hợp đồng tín dụng số 01/2014/HĐTD-PC3I ngày 22/10/2014:

- Số tiền vay: 230.000.000.000 đồng.
- Thời hạn vay: 144 tháng kể từ ngày rút vốn đầu tiên (ngày 06/02/2015).
- Thời hạn ân hạn gốc: 27 tháng kể từ ngày rút vốn đầu tiên.
- Lãi suất vay trong hạn: Áp dụng tại từng thời điểm nhận nợ bằng: lãi suất huy động tiết kiệm kỳ hạn 12 tháng lãi trả sau bình quân 5 Ngân hàng thương mại: Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BIDV), Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam (Vietinbank), Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam (Vietcombank), Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam (Agribank), Ngân hàng TMCP Phương Đông (OCB), + biên độ lãi suất là 2,2%/năm. Lãi suất vay trong hạn của chu kỳ đầu tiên được xác định vào ngày bên vay nhận nợ lần đầu tiên (ngày 06/02/2015): 8,72%/năm.
- Lãi suất quá hạn: Bằng 150% lãi suất vay trong hạn.
- Mục đích vay: Bổ sung vốn đầu tư dự án Nhà máy thủy điện Đa Krông 1 công suất 12MW tại Húc Nghi, Huyện Đa Krông, Tỉnh Quảng Trị.
- Bảo đảm tiền vay: Thế chấp toàn bộ công trình Nhà máy thủy điện Đa Krông 1 công suất 12MW tại Xã Húc Nghi, Huyện Đa Krông, Tỉnh Quảng Trị hình thành từ vốn vay và vốn tự có (bao gồm bất động sản, máy móc thiết bị và các động sản khác).

Chi tiết theo Hợp đồng đảm bảo tiền vay là Hợp đồng thế chấp tài sản hình thành từ vốn vay số 01/2014/BĐ-PC3I ngày 22/10/2014.

Giá trị tài sản đảm bảo: Tổng giá trị tài sản tính theo Tổng mức đầu tư trước thuế GTGT dự án Nhà máy thủy điện Đa Krông 1 là 326.203.000.000 đồng.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

4.16. Vốn chủ sở hữu

4.16.1. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Các khoản mục thuộc vốn chủ sở hữu				Cộng VND
	Vốn góp của chủ sở hữu VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	LNST chưa phân phối VND	
Tại ngày 01/01/2018	303.110.660.000	(35.000.000)	1.131.301.456	41.946.251.718	346.153.213.174
Lãi trong năm trước	-	-	-	26.721.653.592	26.721.653.592
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	(2.818.400.000)	(2.818.400.000)
Trích quỹ thường ban điều hành	-	-	-	(241.200.000)	(241.200.000)
Trả cổ tức	-	-	-	(30.311.066.000)	(30.311.066.000)
Tại ngày 01/01/2019	303.110.660.000	(35.000.000)	1.131.301.456	35.297.239.310	339.504.200.766
Tăng vốn trong năm nay	30.288.250.000	-	-	-	30.288.250.000
Lãi trong năm nay	-	-	-	18.530.306.167	18.530.306.167
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	(4.109.000.000)	(4.109.000.000)
Trích quỹ thường ban điều hành	-	-	-	(522.000.000)	(522.000.000)
Trả cổ tức	-	-	-	(30.288.250.000)	(30.288.250.000)
Tại ngày 31/12/2019	333.398.910.000	(35.000.000)	1.131.301.456	18.908.295.477	353.403.506.933

4.16.2. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	Tại ngày 31/12/2019 VND	Tại ngày 01/01/2019 VND
Tổng Công ty điện lực Miền Trung	246.989.600.000	224.536.000.000
Các cổ đông khác	86.409.310.000	78.574.660.000
Cộng	333.398.910.000	303.110.660.000

4.16.3. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Vốn góp đầu năm	303.110.660.000	303.110.660.000
Vốn góp tăng trong năm	30.288.250.000	-
Vốn góp giảm trong năm	-	-
Vốn góp cuối năm	333.398.910.000	303.110.660.000

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

4.16.4. Cổ phiếu

	Tại ngày 31/12/2019	Tại ngày 01/01/2019
Số lượng cổ phiếu được phép phát hành	33.339.891	30.311.066
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	33.339.891	30.311.066
- Cổ phiếu phổ thông	33.339.891	30.311.066
- Cổ phiếu ưu đãi (loại được phân loại là vốn chủ sở hữu)	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại (cổ phiếu quỹ)	-	-
- Cổ phiếu phổ thông	-	-
- Cổ phiếu ưu đãi (loại được phân loại là vốn chủ sở hữu)	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	33.339.891	30.311.066
- Cổ phiếu phổ thông	33.339.891	30.311.066
- Cổ phiếu ưu đãi (loại được phân loại là vốn chủ sở hữu)	-	-
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND/Cổ phần		

4.16.5. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	18.530.306.167	26.721.653.592
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	4.631.000.000
Lãi/(Lỗ) sau thuế của cổ đông của Công ty	18.530.306.167	22.090.653.592
Số cổ phần lưu hành bình quân trong năm	33.339.891	30.311.066
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	556	729

4.16.6. Lãi suy giảm trên cổ phiếu

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	18.530.306.167	26.721.653.592
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	4.631.000.000
Lãi/(Lỗ) để tính lãi suy giảm trên cổ phiếu	18.530.306.167	22.090.653.592
Số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân lưu hành trong kỳ	33.339.891	30.311.066
Số lượng cổ phiếu phổ thông dự kiến được phát hành thêm	-	-
Số lượng cổ phiếu để tính lãi suy giảm trên cổ phiếu	33.339.891	30.311.066
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	556	729

Lãi cơ bản, lãi suy giảm trên cổ phiếu năm 2018 được tính lại giảm trừ quỹ khen thưởng, phúc lợi theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019 số 51/NQ-ĐHĐCĐ ngày 14/06/2019.

Lãi cơ bản, lãi suy giảm trên cổ phiếu năm 2019 được tính từ lợi nhuận sau thuế TNDN chưa trừ quỹ khen thưởng, phúc lợi do Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên và Điều lệ Công ty chưa quy định tỷ lệ trích cụ thể.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**4.16.7. Cổ tức**

Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019 số 51/NQ-ĐHĐCĐ ngày 14/06/2019 đã thông qua phương án chia cổ tức năm 2018 là 10%/vốn điều lệ bằng cổ phiếu. Số lượng cổ phiếu đã phát hành: 3.028.825 cổ phiếu phổ thông với mệnh giá 10.000 đồng từ nguồn lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên báo cáo tài chính đã được kiểm toán năm 2018.

4.17. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán

	Tại ngày 31/12/2019	Tại ngày 01/01/2019
Ngoại tệ các loại:		
USD	12.475,56	51,79

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**5.1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Doanh thu với bên liên quan - Xem thêm mục 8	98.372.330.448	105.988.675.393
Doanh thu hoạt động khác	-	4.805.455
Cộng	98.372.330.448	105.993.480.848

5.2. Giá vốn hàng bán

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Giá vốn bán điện	51.074.880.943	49.035.234.790
Giá vốn hoạt động khác	-	3.388.002
Cộng	51.074.880.943	49.038.622.792

5.3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	463.987.437	673.064.773
Lãi Chênh lệch tỷ giá	1.599.832	32.110
Cộng	465.587.269	673.096.883

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

5.4. Chi phí tài chính

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Chi phí lãi vay	17.857.147.389	17.241.750.025
Lỗi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	1.599.832	-
Lỗi chênh lệch tỷ giá đánh giá lại số dư ngoại tệ cuối năm	372.862	7.768
Cộng	17.859.120.083	17.241.757.793

5.5. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Chi phí lương bộ phận quản lý	6.541.143.488	7.474.660.345
Các khoản khác	4.293.296.868	4.338.418.187
Cộng	10.834.440.356	11.813.078.532

5.6. Thu nhập khác

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Thu nhập từ thu hồi vật tư	4.161.462.387	-
Thu từ thanh lý TSCĐ	-	88.788.819
Thu nhập khác	265.077.173	631.700
Cộng	4.426.539.560	89.420.519

5.7. Chi phí khác

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Chi phí từ thu hồi vật tư	4.161.462.387	-
Chi phí khác	214.132.673	6.791.170
Cộng	4.375.595.060	6.791.170

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

5.8. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	767.568.002	607.463.665
Chi phí nhân công	14.343.614.976	17.100.481.633
Chi phí khấu hao tài sản cố định	25.367.351.344	26.330.062.487
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.386.915.233	892.689.997
Chi phí khác bằng tiền	20.043.871.744	15.921.003.542
Cộng	61.909.321.299	60.851.701.324

5.9. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế trong năm	19.120.420.835	28.655.747.963
- Lợi nhuận kế toán trước thuế của 2 nhà máy chuyển về	28.313.471.533	38.583.110.453
- Lợi nhuận kế toán trước thuế tại Văn phòng Công ty	(9.193.050.698)	(9.927.362.490)
Cộng: Các khoản điều chỉnh tăng (Chi phí không hợp lý, hợp lệ)	1.467.627.398	1.240.384.571
Trừ: Các khoản điều chỉnh giảm	-	-
Thu nhập tính thuế từ hoạt động kinh doanh	20.588.048.233	29.896.132.534
Thuế thu nhập doanh nghiệp được giảm	1.029.402.412	1.800.192.579
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	590.114.668	1.934.094.371
Trong đó:		
- Chi phí thuế TNDN hiện hành phát sinh kỳ này	1.029.402.412	1.934.094.371
- Điều chỉnh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành năm trước vào chi phí thuế TNDN hiện hành năm nay	(439.287.744)	-

6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

6.1. Số tiền đi vay thực thu trong năm

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Tiền thu từ đi vay	30.351.725.728	53.790.728.551
Cộng	30.351.725.728	53.790.728.551

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

6.2. Số tiền đã thực trả gốc vay trong năm

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Tiền trả nợ gốc vay	28.754.169.436	57.123.426.922
Cộng	28.754.169.436	57.123.426.922

7. BÁO CÁO BỘ PHẬN

Nhằm phục vụ mục đích quản lý, Công ty có quy mô hoạt động trên toàn quốc phân chia hoạt động của mình thành các bộ phận chính yếu theo khu vực địa lý như sau:

- Văn phòng Công ty
- Chi nhánh Quảng Trị
- Chi nhánh Kom Tum

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019:

CHỈ TIÊU	Văn phòng VND	Chi nhánh Kom Tum VND	Chi nhánh Quảng Trị VND	Tổng cộng VND
1. Doanh thu bán hàng & cung cấp dịch vụ	-	63.261.133.687	35.111.196.761	98.372.330.448
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	-	-	-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng & cung cấp dịch vụ	-	63.261.133.687	35.111.196.761	98.372.330.448
4. Giá vốn hàng bán	-	25.947.371.651	25.127.509.292	51.074.880.943
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng & cung cấp dịch vụ	-	37.313.762.036	9.983.687.469	47.297.449.505
6. Doanh thu hoạt động tài chính	465.564.094	11.432	11.743	465.587.269
7. Chi phí tài chính	7.592.694	-	17.851.527.389	17.859.120.083
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	5.620.000	-	17.851.527.389	17.857.147.389
8. Chi phí bán hàng	-	-	-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	9.654.826.098	698.193.077	481.421.181	10.834.440.356
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	(9.196.854.698)	36.615.580.391	(8.349.249.358)	19.069.476.335
11. Thu nhập khác	4.379.399.060	-	47.140.500	4.426.539.560
12. Chi phí khác	4.375.595.060	-	-	4.375.595.060
13. Lợi nhuận khác	3.804.000	-	47.140.500	50.944.500
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	(9.193.050.698)	36.615.580.391	(8.302.108.858)	19.120.420.835
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	590.114.668	-	-	590.114.668
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	-	-	-	-
17. Lợi nhuận sau thuế TNDN	(9.783.165.366)	36.615.580.391	(8.302.108.858)	18.530.306.167

Tại ngày 31/12/2019

Tài sản cố định hữu hình	491.146.945.250	314.155.831	159.495.947	491.620.597.028
- Nguyên giá	645.800.366.895	985.967.840	176.606.320	646.962.941.055
- Giá trị hao mòn	(154.653.421.645)	(671.812.009)	(17.110.373)	(155.342.344.027)
Tài sản cố định vô hình	5.038.971.962	43.722.541	-	5.082.694.503
- Nguyên giá	5.099.053.349	43.746.060	-	5.142.799.409
- Giá trị hao mòn	(60.081.387)	(23.519)	-	(60.104.906)
Phải thu khách hàng	-	9.699.357.840	6.833.748.974	16.533.106.814
Phải trả người bán	687.165.208	176.767.499	43.676.152	907.608.859

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ ĐIỆN LỰC 3

Địa chỉ: 78A Duy Tân, Phường Hòa Thuận Đông, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**8. THÔNG TIN VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN**Danh sách các bên liên quan

Tổng Công ty Điện lực Miền Trung
 Công ty CP Sông Ba

Mối quan hệ

Công ty mẹ
 Công ty liên kết của Tổng Công ty Điện lực Miền Trung (Công ty mẹ)

Tại ngày lập bảng cân đối kế toán, số dư phải thu, phải trả với các bên liên quan như sau:

	Tại ngày 31/12/2019 VND	Tại ngày 01/01/2019 VND
Tổng Công ty Điện lực Miền Trung		
Phải thu khác - xem thêm mục 4.5	-	1.530.689.000
Phải thu khách hàng - xem thêm mục 4.3	16.533.106.814	14.658.782.449
Phải trả người bán - xem thêm mục 4.12	49.106.915	25.016.965
	Tại ngày 31/12/2019 VND	Tại ngày 01/01/2019 VND
Trả trước cho người bán		
Công ty CP Sông Ba - xem thêm mục 4.4	-	144.866.500
Cộng	-	144.866.500

Trong năm, Công ty đã có những giao dịch chủ yếu với các bên liên quan như sau:

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Tổng Công ty Điện lực Miền Trung		
Bán điện - xem thêm mục 5.1	98.372.330.448	105.988.675.393
Chi phí bản quyền phần mềm Microsoft	32.539.650	-
Chi phí dịch vụ bảo trì phần mềm	7.559.174	4.939.154
Chi phí đào tạo cán bộ quản lý	41.206.662	18.252.555
Thu nhập của Ban Tổng Giám đốc được hưởng trong năm như sau:		
	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Thu nhập của Ban Tổng Giám đốc	1.090.691.535	1.397.830.445
Cộng	1.090.691.535	1.397.830.445

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

9. THÙ LAO HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN KIỂM SOÁT

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Thù lao HĐQT và Ban kiểm soát	1.543.183.008	1.605.411.082
Cộng	1.543.183.008	1.605.411.082

10. SỐ LIỆU SO SÁNH

Công ty quyết định hội tổ một số khoản mục của Báo cáo tài chính năm 2018 do thay đổi phương pháp tính khấu hao các tài sản cố định thuộc dự án Nhà máy thủy điện Đa Krông 1 từ phương pháp khấu hao theo số lượng, khối lượng sản phẩm sang phương pháp khấu hao theo đường thẳng. Theo đó, kết quả điều chỉnh hội tổ như sau:

Bảng cân đối kế toán (Trích)

CHỈ TIÊU	Mã số	Số liệu tại ngày	Số liệu tại ngày	Chênh lệch	Ghi chú
		01/01/2019 (trình bày lại)	01/01/2019 (đã trình bày trước đây)		
1. Tài sản cố định hữu hình	221	521.790.248.829	523.953.046.070	(2.162.797.241)	(1)
Nguyên giá	222	651.770.006.786	651.770.006.786	-	
Giá trị hao mòn lũy kế	223	(129.979.757.957)	(127.816.960.716)	(2.162.797.241)	
2. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	35.297.239.310	37.460.036.551	(2.162.797.241)	(3)
LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a	8.575.585.718	8.575.585.718	-	
LNST chưa phân phối kỳ này	421b	26.721.653.592	28.884.450.833	(2.162.797.241)	

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh (Trích)

CHỈ TIÊU	Mã số	Số liệu	Số liệu	Chênh lệch	Ghi chú
		năm 2018 (trình bày lại)	năm 2018 (đã trình bày trước đây)		
1. Giá vốn hàng bán	11	49.038.622.792	46.875.825.551	2.162.797.241	(1)
2. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50	28.655.747.963	30.818.545.204	(2.162.797.241)	(2)
3. Lợi nhuận sau thuế TNDN	60	26.721.653.592	28.884.450.833	(2.162.797.241)	(3)

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (Trích)

CHỈ TIÊU	Mã số	Số liệu	Số liệu	Chênh lệch	Ghi chú
		năm 2018 (trình bày lại)	năm 2018 (đã trình bày trước đây)		
1. Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02	26.330.062.487	24.167.265.246	2.162.797.241	(1)

- (1) Khoản mục “Giá trị hao mòn lũy kế” trên Bảng cân đối kế toán tăng lên 2.162.797.241 đồng, khoản mục “Tài sản cố định hữu hình” trên Bảng cân đối kế toán giảm xuống 2.162.797.241 đồng, đồng thời khoản mục “Giá vốn hàng bán” trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và khoản mục “Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT” trên Báo cáo lưu chuyển tiền tệ tăng cùng một giá trị tương ứng là 2.162.797.241 đồng.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ ĐIỆN LỰC 3

Địa chỉ: 78A Duy Tân, Phường Hòa Thuận Đông, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

- (2) Từ các điều chỉnh (1) ở trên dẫn đến khoản mục "Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế" trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh năm 2018 giảm xuống 2.162.797.241 đồng.
- (3) Từ các điều chỉnh (1), (2) ở trên dẫn đến khoản mục "Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp" trên Báo cáo kết quả kinh doanh và khoản mục "Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này" trên Bảng cân đối kế toán giảm xuống 2.162.797.241 đồng.

11. CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Không có các sự kiện quan trọng xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính đến ngày phát hành báo cáo tài chính.



Nguyễn Lương Minh
Tổng Giám đốc

Đà Nẵng, ngày 14 tháng 02 năm 2020

Đặng Thị Thu Nga
Kế toán trưởng

Lê Thị Hiền
Người lập

Đà Nẵng, ngày 01 tháng 6 năm 2020

BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ NĂM 2019

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Đầu tư Điện lực 3

Căn cứ Điều lệ của Công ty Cổ phần Đầu tư Điện lực 3 và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên - 2019, HĐQT kính gửi đến Đại hội đồng cổ đông báo cáo của HĐQT năm 2019 về quản trị và kết quả hoạt động của HĐQT và từng thành viên HĐQT; mục tiêu, nhiệm vụ năm 2020, như sau:

1. Đánh giá tình hình hoạt động của Công ty

HQĐT đã chỉ đạo Công ty thực hiện mục tiêu, nhiệm vụ năm 2019 theo quy định của Pháp luật, Điều lệ Công ty và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên - 2019. Trong năm qua, mặc dù thời tiết khu vực miền Trung biến đổi bất thường, khô hạn kéo dài, thiếu nước để phát điện; sự thiếu đồng bộ về các quy định về ĐTXD của các cơ quan QLNN làm ảnh hưởng đến công tác chuẩn bị dự án đầu tư, nhưng Công ty đã có nhiều nỗ lực, cố gắng tổ chức thực hiện các mục tiêu được Đại hội đồng cổ đông giao. HĐQT đã thống nhất đánh giá Công ty hoàn thành nhiệm vụ năm 2019. Kết quả đã đạt được như sau:

1.1. Về sản xuất kinh doanh

- + Tổng sản lượng điện thương phẩm là 77,01 triệu kWh; tổng doanh thu đạt 103,26 tỷ đồng; lợi nhuận sau thuế đạt 18,53 tỷ đồng.
- + Mức cổ tức đạt 5% (theo VDL sau huy động).
- + Nộp ngân sách nhà nước: 25,81 tỷ đồng.
- + Tổ chức tốt công tác sản xuất, đổi mới phương pháp bảo trì thiết bị các nhà máy thủy điện theo tư duy dựa trên rủi ro (RBM).

1.2. Về đầu tư xây dựng cơ bản

- + Hoàn thành Báo cáo bổ sung quy hoạch dự án điện gió Tân Lập (với công suất 50MW), trình UBND tỉnh Quảng Trị đúng kế hoạch đề ra và đã được UBND tỉnh Quảng Trị trình Bộ Công thương xem xét, phê duyệt.
- + Hoàn thành BCNCKT NMTĐ hồ B và Nâng đập hồ A - Dự án thủy điện Đăk Pône và các thủ tục pháp lý phát sinh như Báo cáo đánh giá tác động môi trường, Báo cáo dòng chảy môi trường sau đập hồ A, Báo cáo kiểm định đập hồ A.

1.3. Về công tác quản trị doanh nghiệp

- + Bảo toàn, phát triển và sử dụng vốn hiệu quả; tiết kiệm chi phí hoạt động (giảm 27,67% so với dự toán được duyệt).
- + Chấp hành tốt các quy định của Nhà nước trong các lĩnh vực hoạt động và quản trị công ty. Không để xảy ra tai nạn lao động, đảm bảo tuyệt đối an toàn cho người và thiết bị trong SX và ĐTXD.



+ Từng bước tăng cường công tác đào tạo nguồn nhân lực để phục vụ dự án NMDG Tân Lập và các mục tiêu chiến lược của Công ty.

2. Tình hình hoạt động của HĐQT và các thành viên HĐQT

HĐQT gồm 6 thành viên, 1 người là Chủ tịch HĐQT chuyên trách, 5 thành viên còn lại đều làm việc theo chế độ không chuyên trách (trong đó có 1 người là Tổng giám đốc). Trong năm 2019, HĐQT đã tổ chức 4 phiên họp thường kỳ, có mời Ban kiểm soát tham dự. Các phiên họp thường kỳ của HĐQT:

STT	Họ tên	Chức vụ	Số buổi họp HĐQT tham dự	Tỷ lệ tham dự họp
1	Ngô Tấn Hồng	Chủ tịch	4	100%
2	Nguyễn Thị Hương	Thành viên	4	100%
3	Nguyễn Lương Minh	Thành viên	4	100%
4	Võ Hòa	Thành viên	4	100%
5	Nguyễn Thanh Lâm	Thành viên	4	100%
6	Phạm Phong	Thành viên	4	100%

HĐQT đã quyết nghị những chủ trương theo thẩm quyền và đã giải quyết kịp thời, linh hoạt các nội dung, những vấn đề phát sinh trong quá trình thực hiện mà Tổng giám đốc đệ trình, đáp ứng yêu cầu công việc, mà vẫn đảm bảo bám theo các quy định của Nhà nước. Hầu hết các nội dung quyết nghị của HĐQT đều được các thành viên HĐQT nhất trí 100%. Các vấn đề chính đã được HĐQT thảo luận, quyết nghị như sau: đánh giá kết quả hoạt động năm 2018; kế hoạch sửa chữa lớn nhà máy thủy điện Đăk Pône và nhà máy thủy điện Đa Krông 1; kết quả lựa chọn nhà thầu gói thầu số 1 “Lập BCNCKT ĐTXD, TKBVTC-DT NMTĐ hồ B thuộc Dự án hủy điện Đăk Pône”; chủ trương đầu tư công trình kết nối SCADA NMTĐ Đăk Pône; khảo sát, lập ĐTM và BCNCKT dự án NMDG Tân Lập; thời gian, địa điểm và nội dung dự thảo văn kiện ĐHCĐ 2019; bổ nhiệm lại Kế toán trưởng; điều chỉnh TMĐT công trình xây dựng Dự án NMTĐ Đa Krông 1; lựa chọn đơn vị kiểm toán BCTC năm 2019; phương án chi trả cổ tức năm 2018; kết quả lựa chọn nhà thầu gói thầu 03-TL “Khảo sát, lập báo cáo ĐTM, BCNCKT dự án NMDG Tân Lập - giai đoạn 1 30MW”; đăng ký tăng vốn điều lệ Công ty và một số vấn đề thuộc thẩm quyền của HĐQT.

HĐQT đã làm việc cẩn trọng, hiệu quả, theo dõi chặt chẽ các hoạt động của Công ty. Các thành viên HĐQT đã thể hiện tinh thần trách nhiệm cao vì sự phát triển của Công ty và vì lợi ích của cổ đông. HĐQT chỉ đạo Ban điều hành trong các hoạt động của Công ty một cách nhạy bén với diễn biến của tình hình chung, đã giám sát Tổng giám đốc, các cán bộ quản lý và mọi mặt hoạt động của Công ty theo Điều lệ Công ty và Quy chế hoạt động của HĐQT. Từng thành viên HĐQT đã luôn thực hiện tốt vai trò chỉ đạo cho hoạt động sản xuất chung của Công ty. HĐQT đã phân công nhiệm vụ cho từng thành viên, cụ thể:

(1) Ông Ngô Tấn Hồng - Chủ tịch Hội đồng quản trị: các vấn đề về chiến lược, vốn đầu tư, tổ chức, nhân sự của Công ty.

(2) Bà Nguyễn Thị Hương - Thành viên Hội đồng quản trị: các vấn đề về tài chính; thu xếp vốn đầu tư.

(3) Ông Võ Hòa - Thành viên Hội đồng quản trị: các vấn đề về công tác ứng dụng khoa học công nghệ; nhân sự, lương - thưởng cho người lao động.

(4) Ông Nguyễn Thanh Lâm - Thành viên Hội đồng quản trị: các vấn đề về đầu tư phát triển.

(5) Ông Phạm Phong - Thành viên Hội đồng quản trị: các vấn đề về sản xuất - kinh doanh.

(6) Ông Nguyễn Lương Minh - Thành viên Hội đồng quản trị: tham gia các vấn đề chiến lược, tài chính; tổ chức điều hành mọi hoạt động của Công ty theo pháp luật, Điều lệ Công ty và Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị.

Tiền lương, thù lao của HĐQT:

+ Tiền lương của Chủ tịch HĐQT chuyên trách: 26,45 triệu đồng x 1 người x 12 tháng = 317,43 triệu đồng.

+ Thù lao của Thành viên HĐQT: 5,29 triệu đồng x 5 người x 12 tháng = 317,43 triệu đồng.

3. Kết quả giám sát Tổng giám đốc và Cán bộ quản lý của Công ty

Năm 2019, mặc dù gặp rất nhiều khó khăn về thời tiết khô hạn kéo dài và sự thiếu đồng bộ về các quy định về ĐTXD của các cơ quan quản lý nhà nước, nhưng Tổng giám đốc đã thực hiện nhiều biện pháp hữu hiệu để tổ chức thực hiện các mục tiêu mà ĐHCĐ và HĐQT giao. Tổng giám đốc đã nỗ lực tổ chức thành công việc tăng sản lượng điện giờ cao điểm, tiết kiệm chi phí hoạt động, thực hiện tốt công tác quản trị doanh nghiệp... HĐQT đã giám sát hoạt động của Tổng giám đốc và nhận thấy, công tác điều hành được thực hiện đúng Pháp luật, Điều lệ Công ty và Quy chế hoạt động của HĐQT. Tổng giám đốc làm việc rất năng động, sâu sát, quyết tâm với công việc và có tinh thần trách nhiệm rất cao. HĐQT đã thống nhất đánh giá Tổng giám đốc hoàn thành nhiệm vụ năm 2019.

Cán bộ quản lý gồm 11 người (không kể Tổng giám đốc), gồm có 2 Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng, Trưởng/Phụ trách và Phó Trưởng các bộ phận: Phòng Hành chính - Nhân sự, Phòng Kế hoạch - Đầu tư, Phòng Tài chính, Phòng Kỹ thuật, Ban Quản lý dự án, Chi nhánh tại Kon Tum và Chi nhánh tại Quảng Trị. Qua theo dõi, giám sát, HĐQT đánh giá Cán bộ quản lý đã tuân thủ Pháp luật, Điều lệ và các quy định quản lý nội bộ của Công ty. Trong năm 2019, các Cán bộ quản lý đã nỗ lực cố gắng hoàn thành được vai trò của mình, đóng góp vào kết quả đạt được của toàn Công ty.

4. Mục tiêu, nhiệm vụ năm 2020

HĐQT đề ra mục tiêu, nhiệm vụ chính năm 2020 như sau:

1. Tổ chức vận hành các nhà máy thủy điện an toàn, tổng sản lượng điện phát ước đạt 81,43 triệu kWh; tổng doanh thu ước đạt 104,06 tỷ đồng; lợi nhuận ước đạt 19,56 tỷ đồng; cổ tức dự kiến (5÷6)%/VĐL.

2. Tiếp tục theo dõi, giải trình với Bộ Công thương để phê duyệt bổ sung quy hoạch dự án Nhà máy điện gió Tân Lập; chuẩn bị nguồn lực để sẵn sàng triển khai khảo sát, lập BCNCKT dự án sau khi dự án được phê duyệt bổ sung quy hoạch.

3. Làm việc với Địa phương để thúc đẩy việc điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất; thực hiện các thủ tục thẩm định TKCS với cơ quan quản lý nhà nước; phê duyệt BCNCKT; lập TKBVTC-DT NMTĐ hồ B và Nâng đập hồ A; nếu hoàn tất sớm việc điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất thì sẽ triển khai đền bù giải phóng mặt bằng và có thể thực hiện một số công tác thực địa.

4. Hoàn thành công trình SCADA NMTĐ Đăk Pône, đưa vào vận hành tháng 5/2020 và quyết toán công trình.

HĐQT xin chân thành cảm ơn sự tin tưởng, ủng hộ của quý cổ đông trong thời gian qua, rất mong tiếp tục nhận được sự ủng hộ của quý cổ đông vì sự phát triển bền vững của Công ty.

Kính chúc quý vị đại biểu, quý vị cổ đông mạnh khỏe, hạnh phúc và thành công. Trân trọng cảm ơn!

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



Ngô Tấn Hồng

**BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT
TẠI ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2020**

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Đầu tư Điện lực 3

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014;

Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần Đầu tư Điện lực 3 (PC3-INVEST);

Căn cứ Nghị quyết số 51/NQ-ĐHĐCĐ ngày 14/06/2019 của ĐHĐCĐ thường niên 2019 - PC3-INVEST;

Thực hiện chức năng nhiệm vụ của Ban kiểm soát theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty, Ban kiểm soát kính báo cáo Đại hội đồng cổ đông thường niên - 2020 kết quả kiểm tra, giám sát các hoạt động của Công ty trong năm 2019 và kế hoạch công tác năm 2020, cụ thể như sau:

I. HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT:

1. Tình hình hoạt động của Ban kiểm soát:

Trong năm 2019, Ban kiểm soát đã lập kế hoạch, xây dựng chương trình công tác và phân công nhiệm vụ cụ thể cho từng thành viên thực hiện nhiệm vụ kiểm tra, giám sát các hoạt động của Công ty với những nội dung sau:

- Giám sát hoạt động của Hội đồng quản trị (HĐQT), việc quản lý điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của Ban Tổng Giám đốc theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty; xem xét, giám sát việc thực hiện Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên - 2019 của HĐQT, Ban điều hành Công ty.

- Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh, kiểm soát trình tự, thủ tục ban hành các văn bản của Công ty phù hợp với quy định của Pháp luật và Điều lệ Công ty.

- Kiểm soát Báo cáo tài chính: thẩm định tính đầy đủ, hợp pháp, trung thực và chính xác trong việc ghi chép sổ sách kế toán và công tác lập báo cáo tài chính hằng quý, 6 tháng và năm của Công ty; kiểm tra các hợp đồng kinh tế, hợp đồng lao động... của Công ty, kiểm soát chi phí hoạt động, doanh thu, việc sử dụng vốn trong công tác đầu tư xây dựng; thẩm định báo cáo tài chính sau kiểm toán.

- Kiểm tra, giám sát công tác công bố thông tin của Công ty theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Luật Chứng khoán và các công tác khác theo quy định.

- Thực hiện chức năng nhiệm vụ giám sát: Ban kiểm soát được mời và đã tham dự họp tất cả các cuộc họp HĐQT, giám sát đầy đủ hoạt động điều hành của HĐQT trong việc triển khai các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông. Trong các cuộc họp, Ban kiểm soát đã kịp thời khuyến nghị đến HĐQT những vấn đề cần giải quyết để

công tác quản lý điều hành hiệu quả hơn, các khuyến nghị của Ban kiểm soát đều được HĐQT xem xét, xử lý kịp thời để hoạt động của PC3-INVEST tuân thủ đúng quy định Pháp luật, nâng cao hiệu quả quản trị và đảm bảo quyền lợi cổ đông.

*** Một số hoạt động cụ thể của Ban kiểm soát như sau:**

- Tham dự các cuộc họp định kỳ của HĐQT:

+ Phiên họp lần thứ I/2019 ngày 29/03/2019 tại Văn phòng Công ty số 182 Hoàng Diệu - Quận Hải Châu - Tp Đà Nẵng.

+ Phiên họp lần thứ II/2019 ngày 13/06/2019 tại Văn phòng Công ty số 182 Hoàng Diệu - Quận Hải Châu - Tp Đà Nẵng.

+ Phiên họp lần thứ III/2019 ngày 21/10/2019 tại Văn phòng Công ty số 182 Hoàng Diệu - Quận Hải Châu - Tp Đà Nẵng.

+ Phiên họp lần thứ IV/2019 ngày 20/12/2019 tại Văn phòng Công ty số 182 Hoàng Diệu - Quận Hải Châu - Tp Đà Nẵng.

- Các cuộc họp của Ban kiểm soát:

+ Ngày 13/03/2019: Họp thông qua báo cáo giám sát kiểm tra hoạt động năm 2018 của PC3-INVEST.

+ Ngày 30/08/2019: Họp thông qua báo cáo giám sát kiểm tra hoạt động 6 tháng đầu năm 2019 của PC3-INVEST.

+ Ngày 02/12/2019: Họp thông qua báo cáo kiểm soát chuyên đề năm 2019 tại PC3-INVEST.

Trong quá trình hoạt động, Ban kiểm soát luôn nhận được sự phối hợp và hỗ trợ của HĐQT, Ban Tổng giám đốc cũng như các Phòng/Ban nghiệp vụ/Đơn vị trực thuộc Công ty để Ban kiểm soát thực hiện nhiệm vụ được Đại hội đồng cổ đông giao.

2. Tiền lương, thù lao của Ban kiểm soát:

Tiền lương và thù lao của các thành viên Ban kiểm soát trong năm 2019 được Công ty thực hiện đầy đủ và đúng theo quy định, cụ thể:

- Tổng tiền lương của Trưởng BKS chuyên trách và thù lao của Kiểm soát viên là: 303,6 triệu đồng, trong đó:

+ Trưởng BKS chuyên trách: $18,1 \text{ triệu đ/tháng} \times 1 \text{ người} \times 12 \text{ tháng} = 217,2 \text{ triệu đồng}$.

+ Kiểm soát viên: $3,6 \text{ triệu đ/tháng} \times 2 \text{ người} \times 12 \text{ tháng} = 86,4 \text{ triệu đồng}$.

II. KẾT QUẢ GIÁM SÁT TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH, ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ TÀI CHÍNH NĂM 2019.

1. Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh:

Năm 2019, tổng sản lượng điện thương phẩm là 77,01 triệu kWh, đạt 77,98% so với kế hoạch (trong đó, NMTĐ Đăk Pône phát 54,28 triệu kWh và NMTĐ Đa Krông 1 phát 22,73 triệu kWh); tổng doanh thu đạt 103,26 tỷ đồng (đạt 95,93% kế hoạch), trong đó doanh thu bán điện là 98,37 tỷ đồng (đạt 91,64% kế hoạch); lợi nhuận sau thuế là 18,53 tỷ đồng, đạt 64,12% kế hoạch. Công tác bảo trì thiết bị và hạng mục thủy công được thực hiện tốt, đảm bảo kế hoạch đề ra. Công ty đã triển khai công tác

bảo trì tập trung và áp dụng phương pháp bảo trì theo tư duy dựa trên rủi ro (Risk Based Maintenance). Nhờ vậy, công tác bảo trì đã chủ động và hiệu quả hơn, giảm áp lực cho lực lượng công nhân sản xuất nhưng chất lượng thiết bị được quản lý chặt chẽ hơn.

Công tác ATVSLĐ, PCCN, PCLB tiếp tục được duy trì tốt và không để xảy ra tai nạn lao động. Trong năm 2019, tại Văn phòng Công ty có 2 Đoàn kiểm tra của Cơ quan thuế và Y tế về tình hình chấp hành pháp luật về Thuế và công tác Y tế. Tại NMTĐ Đa Krông 1 và Đăk Pône có 13 Đoàn thanh, kiểm tra của các Cơ quan QLNN về tình hình chấp hành pháp luật về bảo vệ môi trường, PCCN, ATVSLĐ, PCTT- TKCN, Thuế.... Các Đoàn thanh, kiểm tra đều đánh giá Công ty không có vi phạm, đã chấp hành đầy đủ các quy định pháp luật.

2. Công tác đầu tư xây dựng:

Công tác quản lý ĐTXD được thực hiện đảm bảo các quy định của Nhà nước, nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và của HĐQT. Tuy nhiên, Công ty gặp nhiều khó khăn do quy định của Nhà nước thiếu đồng bộ và phát sinh nhiều thủ tục trong đầu tư.

2.1. Dự án NMDG Tân Lập - 30MW:

Công ty xác định đây là dự án mang tính chiến lược nên đã tập trung nguồn lực để quản lý chặt chẽ ngay từ đầu. Công ty đã phối hợp đơn vị tư vấn (VATEC) khảo sát và hoàn thành Báo cáo bổ sung quy hoạch dự án (với công suất 50MW), trình UBND tỉnh Quảng Trị đúng kế hoạch đề ra. UBND tỉnh Quảng Trị đã xem xét và trình Bộ Công thương vào ngày 02/4/2019. Công ty cũng đã báo cáo EVNCPC để báo cáo EVN về tính khả thi của dự án cùng với phương án huy động vốn cho dự án. Vì vậy, EVN và EVNCPC đã có nghị quyết cho phép lập BCNCKT dự án (NQ số 337/NQ-HĐTV ngày 10/7/2019 của EVN, số 302/NQ-HĐTV ngày 16/8/2019 của EVNCPC). Công ty đã tổ chức đấu thầu rộng rãi, chọn lựa nhà thầu và đã ký hợp đồng tư vấn khảo sát, lập BCNCKT dự án. Nhìn chung, dự án này được thực hiện đúng quy định và phối hợp chặt chẽ với Địa phương. Tuy nhiên, do Nhà nước chưa ban hành đầy đủ các văn bản pháp quy hướng dẫn thực hiện Luật Quy hoạch nên Bộ Công thương chưa phê duyệt quy hoạch (cho tất cả dự án điện trên cả nước).

2.2. NMTĐ hồ B (1,6MW) và Nâng đập hồ A - Dự án thủy điện Đăk Pône:

Công ty đã hoàn thành BCNCKT và các thủ tục pháp lý phát sinh như Báo cáo đánh giá tác động môi trường, Báo cáo dòng chảy môi trường sau đập hồ A, Báo cáo kiểm định đập hồ A. Dự án NMTĐ hồ B có quy mô nhỏ (chỉ 1,6MW) nhưng phát sinh nhiều thủ tục và phải điều chỉnh lại quy hoạch sử dụng đất của Địa phương. Đây là vướng mắc chưa thể phê duyệt BCNCKT để triển khai các bước tiếp theo trong năm 2019.

2.3. Dự án Nhà PC3-INVEST:

Công ty cùng Tư vấn thiết kế đã hoàn thành BCNCKT, Tư vấn độc lập đã thẩm tra hồ sơ dự án; giải pháp về PCCC của dự án đã được Phòng Cảnh sát PCCC & Cứu nạn cứu hộ - Công an thành phố Đà Nẵng có ý kiến thống nhất và Công ty đã trình hồ sơ đến Sở Xây dựng để thẩm định hồ sơ thiết kế cơ sở của dự án. Tuy nhiên, UBND thành phố Đà Nẵng chưa cho phép điều chỉnh quy hoạch xây dựng từ đất xây dựng biệt thự sang đất xây dựng văn phòng làm việc, nên Sở Xây dựng chưa thẩm định hồ sơ thiết kế cơ sở của dự án.

2.4. Công trình NMTĐ Đa Krông 1:

Trong năm 2019, Công ty chủ yếu thực hiện công tác quyết toán vốn đầu tư dự án, đến nay đã hoàn thành tổng quyết toán công trình, đơn vị kiểm toán (AAC) đã phát hành Báo cáo kiểm toán với giá trị tổng quyết toán là 377,466 tỷ đồng. Công ty đã tổ chức rà soát tính tuân thủ về trình tự đầu tư và lưu trữ hồ sơ toàn bộ dự án. Công ty đã tự phát hiện và hoàn thiện các thủ tục còn sót để đảm bảo hồ sơ dự án đầy đủ và đảm bảo yêu cầu theo quy định về quản lý đầu tư xây dựng.

2.5. Dự án NMTĐG Hướng Sơn 3 - 30MW:

Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Trị đã có ý kiến sẽ xem xét việc cho phép Công ty đầu tư dự án này sau khi đã triển khai dự án NMTĐG Tân Lập (theo hồ sơ xin phép khảo sát dự án đã được UBND huyện Hướng Hóa và Sở Công thương trình năm 2018). Trong năm 2019 do chưa triển khai được dự án NMTĐG Tân Lập nên Công ty chỉ theo dõi thông tin về dự án này từ Địa phương, chưa xây dựng trụ đo gió dự án NMTĐ Hướng Sơn 3.

2.6. Dự án SCADA NMTĐ Đắk Pône:

Công ty đã tổ chức khảo sát, lập BCKTKT, chọn lựa nhà thầu và ký hợp đồng gói thầu số 2 “Cung cấp, lắp đặt hệ thống truyền dẫn, cấu hình, thí nghiệm hiệu chỉnh và đưa vào vận hành hệ thống thông tin, SCADA NMTĐ Đắk Pône” vào ngày 11/12/2019. Hiện nay, nhà thầu đang triển khai thực hiện hợp đồng.

3. Công tác tài chính - Quản lý cổ đông:

3.1. Quản lý tài chính - Quản lý cổ đông: tính đến thời điểm hiện tại, số cổ phần phổ thông Công ty phát hành là 33.339.891 cổ phần, tương ứng với vốn điều lệ là 333,39 tỷ đồng (EVNCP chiếm 74,08%). Công tác quản lý cổ đông được thực hiện đầy đủ theo quy định của Nhà nước đối với loại hình công ty đại chúng lớn, không để xảy ra sai sót hay khiếu nại của cổ đông.

Năm 2019, công tác XDCB của Công ty chủ yếu ở giai đoạn nghiên cứu dự án và lập BCNCKT. Do những hướng mắc phát sinh trong công tác điều chỉnh, bổ sung quy hoạch nên công việc bị ngưng trệ, khối lượng thực hiện được chủ yếu là công tác tư vấn, giá trị thực hiện đạt 4,29 tỷ đồng, giá trị giải ngân là 11,55 tỷ đồng (kể cả thanh toán giá trị XDCB hoàn thành của công trình NMTĐ Đa Krông 1). Công ty thường xuyên theo dõi, quản lý nguồn tiền và kế hoạch giải ngân nên chủ động trong việc cân đối, sử dụng hiệu quả các nguồn tiền, việc giải ngân khối lượng XDCB, quản lý chi phí được Công ty thực hiện đúng quy định, không để xảy ra chi sai mục đích.

ĐVT: triệu đồng

TT	Nội dung chi phí	Kế hoạch năm 2019	Giải ngân năm 2019	Ghi chú
1	Dự án thủy điện Đắk Pône - NMTĐ hồ B và Nâng đập hồ A	6.900,00	979,21	
2	Dự án SCADA NMTĐ Đắk Pône	3.300,00	0,00	
3	Dự án NMTĐ Đa Krông 1	18.723,00	9.533,73	
4	Dự án NMTĐG Tân Lập	30.000,00	1.039,41	

TT	Nội dung chi phí	Kế hoạch năm 2019	Giải ngân năm 2019	Ghi chú
5	Dự án NMDG Hướng Sơn 3	200,00	0,00	
6	Dự án Nhà PC3-INVEST	1.000,00	0,00	
	Tổng cộng:	60.123,00	11.552,35	

3.2. Đánh giá tình hình chấp hành nghĩa vụ thu nộp với NSNN:

Đối với việc chấp hành nghĩa vụ thu nộp với ngân sách nhà nước, Công ty thực hiện đầy đủ, đúng hạn công tác kê khai thuế hàng tháng, tình hình sử dụng hoá đơn, quyết toán thuế đầy đủ đúng quy định về thời gian và nội dung biểu mẫu. Tình hình chấp hành nghĩa vụ nộp ngân sách nhà nước được Công ty thực hiện đúng quy định của Bộ Tài chính và Tổng cục thuế, tổng nộp ngân sách cả năm 2019 là 25,81 tỷ đồng.

Trong năm 2019 được Cục thuế tỉnh Kon Tum và Cục thuế tỉnh Quảng Trị tặng giấy khen về việc chấp hành tốt nghĩa vụ thuế với Nhà nước.

3.3. Thực hiện kế hoạch chi phí hoạt động, tiền lương năm 2019:

- Kế hoạch lao động, tiền lương năm 2019:

+ Lao động có mặt đến 01/01/2019:	67 người
+ Kế hoạch tuyển dụng năm 2019:	10 người
+ Lao động tăng trong năm 2019:	02 người
+ Lao động giảm trong năm 2019:	01 người
+ Lao động có mặt đến 31/12/2019:	68 người

Tính đến ngày 31/12/2019, tổng số lao động là 68 người, tăng 01 người so với năm 2018 (trong đó: giảm 1 công nhân vận hành NMTĐ Đa Krông 1, tăng 1 cử nhân công nghệ thông tin và 01 cử nhân kế toán). Tất cả CBCNV đều được đóng bảo hiểm (BHYT, BHTN, BHXH) đúng theo quy định và đảm bảo các quyền lợi theo Bộ Luật lao động; việc ký kết hợp đồng lao động, xếp lương, nâng lương cho CBCNV được thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật lao động và thoả ước lao động tập thể; đã tổ chức công tác khám sức khỏe định kỳ cho CBCNV và trang bị đầy đủ công tác bảo hộ lao động cho lực lượng công tác tại hiện trường; Công ty luôn tạo điều kiện tốt về thời gian, kinh phí cho Tổ chức Đảng, Công đoàn, Đoàn TN CS HCM hoạt động, góp phần quan trọng trong thắng lợi chung của Công ty và xây dựng môi trường lao động dân chủ, công bằng.

- Thực hiện chi phí hoạt động năm 2019 đã được HĐQT duyệt: Do hoạt động SX và XDCB trong năm 2019 gặp nhiều vướng mắc nên Công ty rất tiết kiệm chi phí hoạt động, chỉ chi tiêu cho các công việc thực sự cần thiết, cắt giảm hoặc hoãn chi các khoản chưa cần thiết. Tổng chi phí phục vụ cho hoạt động trong năm 2019 là 20,63 tỷ đồng, bằng 72,33% giá trị đã được HĐQT phê duyệt (28,52 tỷ đồng).

3.4: Thảm định báo cáo tài chính năm 2019:

- Công tác lập báo cáo tài chính:

+ Báo cáo tài chính năm 2019 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn RSM Việt Nam chi nhánh miền Trung là đơn vị kiểm toán độc lập có đủ tư cách pháp lý kiểm toán các Công ty niêm yết. Báo cáo tài chính đã được kiểm toán lập và trình bày theo đúng quy định của chế độ kế toán hiện hành, phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm 31/12/2019 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

+ Công tác báo cáo, công bố thông tin định kỳ và theo yêu cầu của UBCKNN; Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam và Sở giao dịch Chứng khoán IIà Nội được Công ty thực hiện đúng theo quy định.

- Tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm 31/12/2019:

Chỉ tiêu	Năm 2019
I. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán	
1. Khả năng thanh toán hiện hành	1,56
II. Chỉ tiêu phản ánh khả năng tự chủ về tài chính	
1. Tỷ suất nợ/Tổng tài sản	37%
2. Tỷ suất nợ/vốn chủ sở hữu	59%

Tính đến 31/12/2019, tình hình tài chính của Công ty thể hiện được tính hiệu quả, lành mạnh tích cực:

- Trong năm 2019, các khoản công nợ phải thu, phải trả được kiểm soát chặt chẽ, không có phát sinh nợ phải thu khó đòi hay quá hạn phải trả. Các chỉ tiêu về cơ cấu nguồn vốn, tài sản, khả năng thanh toán của Công ty ngày 31/12/2019 phản ánh tình hình tài chính tốt, vốn đầu tư của cổ đông được bảo toàn và phát triển.

- Tỷ suất nợ/tổng tài sản: 37%, tỷ suất nợ/vốn chủ sở hữu: 59,0% đã thể hiện tính độc lập, tự chủ về tài chính của Công ty, đảm bảo nằm trong mức an toàn cho phép.

III. KẾT QUẢ GIÁM SÁT CÔNG TÁC QUẢN LÝ VÀ ĐIỀU HÀNH CỦA HĐQT, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC:

1. Giám sát về công tác quản lý và điều hành của HĐQT, Ban Tổng Giám đốc:

Trong năm 2019, HĐQT, Ban Tổng Giám đốc Công ty đã có nhiều biện pháp tích cực chỉ đạo, điều hành nhằm thực hiện các chỉ tiêu của Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên - 2019 đã đề ra. Tuy nhiên, thời tiết khô hạn tại các nhà máy thủy điện đã ảnh hưởng đáng kể đến kết quả hoạt động phát điện chung. Bên cạnh đó NMTĐ Đa Krông 1 mới đi vào năm thứ 2 vận hành thương mại, nợ gốc tín dụng chưa được trả nhiều nên chi phí lãi vay chiếm tỷ trọng lớn trong tổng chi phí, ảnh hưởng nhiều đến kết quả SXKD trong năm 2019. Vì vậy, các tỷ suất lợi nhuận đến 31/12/2019 chưa đạt được kết quả như mong đợi (lợi nhuận chỉ đạt 64,12% so với kế hoạch).

Hoạt động của HĐQT được tiến hành đúng theo quy định của Pháp luật, Điều lệ hoạt động của Công ty, Quy chế hoạt động của HĐQT. HĐQT đã tổ chức họp định kỳ, bàn bạc tập thể, được Thư ký Công ty ghi chép biên bản đầy đủ các nội dung và ban hành thành Nghị Quyết. Các công việc cần triển khai theo Nghị quyết của HĐQT đều được Ban Tổng giám đốc Công ty thực hiện đầy đủ, đúng theo quy định.

Trong năm 2019, HĐQT và Ban Tổng Giám đốc Công ty đã thực hiện nhiệm vụ điều hành Công ty một cách trung thực, trách nhiệm, cẩn trọng theo đúng theo quy định của Pháp luật, Điều lệ hoạt động của Công ty và Nghị quyết của Đại hội cổ đông Công ty đề ra.

2. Tình hình thực hiện các quyết định của Chủ sở hữu và Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên - 2019:

- Công ty luôn nghiêm chỉnh chấp hành mọi nghị quyết, quyết định của chủ sở hữu, không để xảy ra lỗi chủ quan làm chậm trễ hay thất thoát vốn. Công tác quản lý vận hành Nhà máy thủy điện Đắk Pône (hồ A-14MW), Nhà máy thủy điện Đa Krông 1 luôn được thực hiện tốt, đảm bảo công tác an toàn lao động; luôn chủ trương tiết kiệm tối đa chi phí hoạt động, chỉ chi tiêu cho các công việc thực sự cần thiết, cắt giảm hoặc hoãn chi các khoản chưa cần thiết.

- Công ty đã tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên - 2019 vào ngày 14/06/2019. Những người đại diện phần vốn của EVNCPC đã báo cáo kết quả đại hội đến EVNCPC tại văn bản số 53/CV-CTHĐQT ngày 17/06/2019.

- Thực hiện phân phối lợi nhuận và chi trả cổ tức năm 2018 theo Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên - 2019.

- Lựa chọn đơn vị kiểm toán độc lập là Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn RSM Việt Nam chi nhánh miền Trung thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính năm 2019.

- Chi trả tiền lương, thù lao HĐQT, Ban kiểm soát năm 2019 theo đúng quy định đã được ĐHĐCĐ thường niên - 2019 thông qua.

3. Quan hệ với cổ đông và thị trường chứng khoán:

Trong năm 2019, Ban kiểm soát đã kịp thời phản hồi thông tin đến cổ đông kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh và tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Đầu tư Điện lực 3, Ban kiểm soát không nhận được khiếu nại nào của cổ đông bằng văn bản về hoạt động kinh doanh của Công ty, về điều hành của HĐQT và Ban Tổng giám đốc. Chúng tôi cho rằng, ở mức độ nhất định kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty Cổ phần Đầu tư Điện lực 3 trong năm 2019 thông qua những người điều hành đạt được sự tin tưởng của cổ đông.

Trong năm 2019, việc công bố thông tin và chấp hành giao dịch cổ phiếu niêm yết sàn giao dịch của những người có liên quan đến HĐQT, Ban Tổng giám đốc được thực hiện một cách nghiêm túc, không vi phạm.

IV. Đánh giá hoạt động của Ban Kiểm soát và thành viên Ban Kiểm soát trong năm 2019:

Trong quá trình thực hiện nhiệm vụ, Ban kiểm soát luôn nhận được sự ủng hộ của Quý cổ đông, sự quan tâm và tạo điều kiện từ Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc, các phòng ban và toàn thể CBCNV Công ty Cổ phần Đầu tư Điện lực 3, Ban

kiểm soát và từng thành viên Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Đầu tư Điện lực 3 đã có nhiều cố gắng thực hiện nhiệm vụ theo đúng Điều lệ Công ty, tham gia đầy đủ các cuộc họp định kỳ của HĐQT và các cuộc kiểm tra của Ban kiểm soát tại Công ty.

Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Đầu tư Điện lực 3 đã thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, trách nhiệm, cẩn trọng theo đúng Pháp luật hiện hành của Nhà nước và Điều lệ hoạt động của Công ty.

V. KẾ HOẠCH CÔNG TÁC NĂM 2020 CỦA BAN KIỂM SOÁT: Ban kiểm soát dự kiến kế hoạch công tác trong năm 2020, cụ thể như sau:

- Thực hiện công việc kiểm tra, giám sát hoạt động của Công ty theo chức năng, nhiệm vụ được quy định tại Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.

- Giám sát hoạt động của Hội đồng quản trị, việc quản lý điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của Ban Tổng Giám đốc theo Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty; xem xét, giám sát việc thực hiện Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên - 2020 của HĐQT, Ban điều hành Công ty.

- Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh, kiểm soát trình tự, thủ tục ban hành các văn bản của Công ty phù hợp với quy định của Pháp luật và Điều lệ Công ty.

- Kiểm soát Báo cáo tài chính: thẩm định tính đầy đủ, hợp pháp, trung thực và chính xác trong việc ghi chép sổ sách kế toán và công tác lập báo cáo tài chính hằng quý, 6 tháng và năm của Công ty.

- Kiểm tra, giám sát công tác công bố thông tin của Công ty theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Luật Chứng khoán.

- Thực hiện kiểm soát chuyên đề về công tác đầu tư các dự án ĐTXD năm 2019, 6 tháng đầu năm 2020 và công tác quản lý chi phí năm 2019, 6 tháng đầu năm 2020 tại PC3-INVEST.

- Và thực hiện các công tác khác theo quy định.

Trên đây là nội dung báo cáo kết quả hoạt động của Ban kiểm soát thực hiện nhiệm vụ kiểm tra, giám sát các hoạt động của Công ty trong năm 2019, Ban kiểm soát kính trình đến Đại hội đồng cổ đông thường niên - 2020. Ban kiểm soát xin chân thành cảm ơn sự tin tưởng, ủng hộ của quý cổ đông trong thời gian qua và rất mong tiếp tục nhận được sự ủng hộ của quý cổ đông trong thời gian đến.

Kính chúc quý vị đại biểu, quý vị cổ đông sức khỏe và thành đạt.

Trân trọng cảm ơn!

Nơi nhận:

- Trình ĐHCĐ;
- EVNCPC (báo cáo);
- HĐQT (báo cáo);
- Lưu BKS.

**TM. BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN**



Nguyễn Minh Hoài

**CÔNG TY CỔ PHẦN
ĐẦU TƯ ĐIỆN LỰC 3**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 01 /TTr-BKS

Đà Nẵng, ngày 27 tháng 03 năm 2020

TỜ TRÌNH

**Về việc giới thiệu các đơn vị kiểm toán độc lập để lựa chọn
thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2020**

Kính gửi: Đại hội đồng Cổ đông Công ty Cổ phần Đầu tư Điện lực 3

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014;

Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần Đầu tư Điện lực 3 (PC3-INVEST);

Căn cứ Quyết định số 2358/QĐ-BTC ngày 13/11/2019 của Bộ Tài chính về việc chấp thuận cho doanh nghiệp kiểm toán và kiểm toán viên hành nghề được kiểm toán cho đơn vị có lợi ích công chúng năm 2020;

Qua tìm hiểu một số đơn vị kiểm toán có năng lực và kinh nghiệm và được biết Công ty TNHH Kiểm toán và kế toán AAC; Công ty TNHH Kiểm toán & Tư vấn RSM Việt Nam chi nhánh miền Trung và Công ty TNHH Kiểm toán FAC chi nhánh miền Trung cùng đóng trên địa bàn tỉnh Quảng Nam và thành phố Đà Nẵng được phép kiểm toán tất cả các loại hình doanh nghiệp thuộc mọi thành phần kinh tế và được Ủy ban chứng khoán Nhà nước Việt Nam chấp nhận đủ điều kiện để kiểm toán các tổ chức phát hành, tổ chức niêm yết và tổ chức kinh doanh chứng khoán tại Việt Nam.

Ban kiểm soát kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, thống nhất và ủy quyền cho Hội đồng quản trị công ty quyết định lựa chọn một trong ba đơn vị kiểm toán nêu trên để thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2020.

Trân trọng!

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- HĐQT;
- Lưu BKS.

**TM. BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN**



Nguyễn Minh Hoài

TỜ TRÌNH

Về việc phương án phân phối lợi nhuận năm 2019 và dự kiến kế hoạch năm 2020

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Đầu tư Điện lực 3

Căn cứ Điều lệ của Công ty Cổ phần Đầu tư Điện lực 3;

Căn cứ kết quả kinh doanh năm 2019 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán & Tư vấn RSM - Chi nhánh Miền Trung; dự kiến kế hoạch năm 2020;

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông phương án phân phối lợi nhuận năm 2019 và dự kiến kế hoạch năm 2020, như sau:

I. Phân phối lợi nhuận năm 2019

TT	Nội dung	Số tiền (đồng)	
I	Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	33.339.891	CP
II	Lợi nhuận		
1	Lợi nhuận trước thuế thu nhập doanh nghiệp	19.120.420.835	đồng
2	Thuế thu nhập doanh nghiệp	590.114.668	đồng
3	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (1)-(2)	18.530.306.167	đồng
4	Lợi nhuận lũy kế đến cuối năm 2018 chuyển sang	377.989.310	đồng
5	Lợi nhuận trích quỹ (3)+(4)	18.908.295.477	đồng
III	Phân phối lợi nhuận		
1	Phân phối quỹ	1.670.771.151	đồng
a	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	1.516.578.001	đồng
b	Quỹ thưởng của người quản lý công ty	154.193.150	đồng
2	Lợi nhuận chưa phân phối chuyển sang năm 2020	567.578.826	đồng
3	Cổ tức		
a	Lợi nhuận còn lại chia cổ tức (II.5-III.1-III.2)	16.669.945.500	đồng
b	Tỷ lệ cổ tức (III.3.a/I)	5%	
IV	Tổ chức chia cổ tức: Chia cổ tức bằng tiền 5% (16.669.945.500 đồng) dự kiến vào quý II/2020 và ủy quyền cho HĐQT thực hiện chốt danh sách cổ đông chia cổ tức.		

II. Dự kiến kế hoạch năm 2020

TT	Nội dung	Số tiền (đồng)	
I	Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	33.339.891	CP
II	Lợi nhuận		
1	Lợi nhuận trước thuế thu nhập doanh nghiệp	20.699.603.854	đồng
2	Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.134.980.193	đồng
3	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (1)-(2)	19.564.623.661	đồng
4	Lợi nhuận lũy kế đến cuối năm 2019 chuyển sang	567.578.826	đồng
5	Lợi nhuận trích quỹ (3)+(4)	20.132.202.487	đồng

III Phân phối lợi nhuận

1	Phân phối quỹ (tạm tính)	2.700.000.000	đồng
a	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	2.500.000.000	đồng
b	Quỹ thưởng của người quản lý công ty	200.000.000	đồng
2	Cổ tức		
a	Lợi nhuận dự kiến chia cổ tức	17.432.220.487	đồng
b	Tỷ lệ cổ tức	5÷6%	

IV Căn cứ tình hình thực tế ủy quyền cho HĐQT tạm ứng cổ tức bằng tiền 4% trước ngày 31/12/2020.

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông để thông qua.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



Ngô Tấn Hồng

**CÔNG TY CỔ PHẦN
ĐẦU TƯ ĐIỆN LỰC 3**

Số: 48 /TTr-HĐQT

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Đà Nẵng, ngày 01 tháng 6 năm 2020

TỜ TRÌNH

Về việc thông qua kế hoạch thù lao, tiền lương năm 2020 của HĐQT và BKS

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Đầu tư Điện lực 3

Căn cứ Điều lệ của Công ty Cổ phần Đầu tư Điện lực 3;

Căn cứ Nhiệm vụ và quyền hạn của HĐQT, BKS trong năm 2020,

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông kế hoạch tiền lương, thù lao năm 2020 của HĐQT và BKS, cụ thể như sau: Đơn vị: đồng

STT	HĐQT, BKS	Thù lao/tháng	Tiền lương/tháng	Số người	Số tháng	Thù lao, tiền lương/năm
I	HĐQT					864.000.000
1	Chủ tịch HĐQT chuyên trách		36.000.000	1	12	432.000.000
2	Thành viên HĐQT	7.200.000		5	12	432.000.000
II	BKS					403.200.000
1	Trưởng BKS chuyên trách		24.000.000	1	12	288.000.000
2	Kiểm soát viên	4.800.000		2	12	115.200.000
	Tổng cộng:					1.267.200.000

Tiền lương tháng của Chủ tịch HĐQT chuyên trách là tối đa (đã bao gồm hệ số tăng thêm 0,3 quy định tại mục 3.b, điều 71 của quyết định số 96/QĐ-EVN ngày 26/3/2018 của Tập đoàn Điện lực Việt Nam)

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông để thông qua.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



Ngô Tấn Hồng

**CÔNG TY CỔ PHẦN
ĐẦU TƯ ĐIỆN LỰC 3**

Số: 51 /TTr-HĐQT

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Đà Nẵng, ngày 01 tháng 6 năm 2020

TỜ TRÌNH

Về việc miễn nhiệm thành viên HĐQT, BKS nhiệm kỳ 2018-2023

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Đầu tư Điện lực 3

Căn cứ Luật doanh nghiệp 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014;

Căn cứ Điều lệ của Công ty Cổ phần Đầu tư Điện lực 3;

Căn cứ Đơn thôi tham gia thành viên HĐQT, BKS nhiệm kỳ 2018-2023 của các thành viên HĐQT: Nguyễn Thanh Lâm, Phạm Phong, Võ Hòa và của các thành viên BKS: Lê Thị Minh Chính, Phan Thị Thanh Lý,

Hội đồng quản trị kính đề nghị Đại hội đồng cổ đông xem xét, biểu quyết nội dung sau:

* Miễn nhiệm thành viên HĐQT nhiệm kỳ 2018-2023 đối với:

1. Ông Nguyễn Thanh Lâm
2. Ông Phạm Phong
3. Ông Võ Hòa

* Miễn nhiệm thành viên BKS nhiệm kỳ 2018-2023 đối với:

1. Bà Lê Thị Minh Chính
2. Bà Phan Thị Thanh Lý

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



Ngô Tấn Hồng

**CÔNG TY CỔ PHẦN
ĐẦU TƯ ĐIỆN LỰC 3**

Số: 51 /TTr-HĐQT

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Đà Nẵng, ngày 01 tháng 6 năm 2020

TỜ TRÌNH

Về việc miễn nhiệm thành viên HĐQT, BKS nhiệm kỳ 2018-2023

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Đầu tư Điện lực 3

Căn cứ Luật doanh nghiệp 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014;

Căn cứ Điều lệ của Công ty Cổ phần Đầu tư Điện lực 3;

Căn cứ Đơn thôi tham gia thành viên HĐQT, BKS nhiệm kỳ 2018-2023 của các thành viên HĐQT: Nguyễn Thanh Lâm, Phạm Phong, Võ Hòa và của các thành viên BKS: Lê Thị Minh Chính, Phan Thị Thanh Lý,

Hội đồng quản trị kính đề nghị Đại hội đồng cổ đông xem xét, biểu quyết nội dung sau:

* Miễn nhiệm thành viên HĐQT nhiệm kỳ 2018-2023 đối với:

1. Ông Nguyễn Thanh Lâm
2. Ông Phạm Phong
3. Ông Võ Hòa

* Miễn nhiệm thành viên BKS nhiệm kỳ 2018-2023 đối với:

1. Bà Lê Thị Minh Chính
2. Bà Phan Thị Thanh Lý

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



Ngô Tấn Hồng

**CÔNG TY CỔ PHẦN
ĐẦU TƯ ĐIỆN LỰC 3**

Số: 49 /CV-HĐQT

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Đà Nẵng, ngày 01 tháng 6 năm 2020

THÔNG BÁO

**Về việc danh sách tổ chức, cá nhân có liên quan và lợi ích có liên quan
với Công ty Cổ phần Đầu tư Điện lực 3**

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Đầu tư Điện lực 3

Căn cứ Điều 195 của Luật doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014, Hội đồng quản trị kính thông báo Đại hội đồng cổ đông danh sách tổ chức, cá nhân có liên quan và lợi ích có liên quan với Công ty Cổ phần Đầu tư Điện lực 3 (PC3-INVEST), như sau:

TT	Tên tổ chức/cá nhân	Chức vụ tại PC3-INVEST	Lợi ích có liên quan với PC3-INVEST
I	Công ty mẹ, người quản lý công ty mẹ		
1	Công ty mẹ - Tổng công ty Điện lực miền Trung (EVNCPC)	Không	Là Bên mua điện từ năm 2010
2	Trương Thiết Hùng - Chủ tịch EVNCPC	Không	Không có
2	Ngô Tấn Cư - Tổng giám đốc EVNCPC	Không	Không có
II	Người quản lý doanh nghiệp và người có liên quan của người quản lý doanh nghiệp		
1	Ngô Tấn Hồng	Chủ tịch HĐQT	
a	Vợ - Nguyễn thị Kim Thủy	Không	Không có
b	Con ruột - Ngô Tấn Hưng	Không	Không có
c	Chị ruột - Ngô Thị Thanh	Không	Không có
d	Chị ruột - Ngô Thị Thoại	Không	Không có
e	Anh ruột - Ngô Tấn Châu	Không	Không có
f	Em ruột - Ngô Thị Nguyệt	Không	Không có
g	Em ruột - Ngô Thị Lăng	Không	Không có
2	Nguyễn Lương Minh	Thành viên HĐQT - Tổng giám đốc	
a	Cha đẻ - Nguyễn Lương Mỹ	Không	Không có
b	Mẹ đẻ - Trần Thị Diệu Khuê	Không	Không có
c	Vợ - Nguyễn Thị Lan Giao	Không	Không có
d	Con ruột - Nguyễn Thị Hạnh Nguyên	Không	Không có
e	Con ruột - Nguyễn Thị Hạnh Đoan	Không	Không có
f	Chị ruột - Nguyễn Thị Mỹ Châu	Không	Không có



TT	Tên tổ chức/cá nhân	Chức vụ tại PC3-INVEST	Lợi ích có liên quan với PC3-INVEST
g	Anh rể - Nguyễn Đăng Trường	Không	Không có
h	Chị ruột - Nguyễn Thị Mỹ Trân	Không	Không có
i	Anh rể - Huỳnh Văn Lộc	Không	Không có
j	Chị ruột - Nguyễn Thị Mỹ Phượng	Không	Không có
k	Anh rể - Nguyễn Công Đông	Không	Không có
l	Em ruột - Nguyễn Lương Giám	Không	Không có
m	Em dâu - Lê Thị Hoàng Chinh	Không	Không có
3	Ông: Nguyễn Thanh Lâm	Thành viên HĐQT	
a	Vợ - Lê Thị Phương Hồng	Không	Không có
b	Chị ruột - Nguyễn Thị Kim Anh	Không	Không có
c	Em ruột - Nguyễn Thanh Hải	Không	Không có
4	Ông Phạm Phong	Thành viên HĐQT	
a	Cha đẻ - Phạm Lượng	Không	Không có
b	Vợ - Hồ Thị Thu Hương	Không	Không có
c	Con ruột - Phạm Quang Phúc Bảo	Không	Không có
d	Con ruột - Phạm Hồ Khánh Như	Không	Không có
e	Em ruột - Phạm Thị Ngọc	Không	Không có
f	Em ruột - Phạm Thị Phê	Không	Không có
g	Em ruột - Phạm Văn Mạnh	Không	Không có
h	Em ruột - Phạm Minh Châu	Không	Không có
i	Em ruột - Phạm Đình Khánh	Không	Không có
j	Em ruột - Phạm Thị Ánh Nguyệt	Không	Không có
k	Em ruột - Phạm Quốc Hưng	Không	Không có
5	Ông Võ Hòa	Thành viên HĐQT	
a	Mẹ đẻ - Nguyễn Thị Hù	Không	Không có
b	Vợ - Nguyễn Thị Mỹ Châu	Không	Không có
c	Con ruột - Võ Hoàng Nguyên	Không	Không có
d	Con ruột - Võ Thị Hoàng Oanh	Không	Không có
e	Em ruột - Võ Thị Liên	Không	Không có
f	Em ruột - Võ Hiệp	Không	Không có
g	Em ruột - Võ Viết Tùy	Không	Không có
h	Em ruột - Võ Thị Hà	Không	Không có
5	Nguyễn Thị Hương	Thành viên HĐQT	Không có
a	Cha đẻ - Nguyễn Quang Thường	Không	Không có
b	Mẹ đẻ - Đỗ Thị Oanh	Không	Không có

TT	Tên tổ chức/cá nhân	Chức vụ tại PC3-INVEST	Lợi ích có liên quan với PC3-INVEST
c	Chồng - Trần Đình Thắng	Không	Không có
d	Con ruột - Trần Đình Khánh	Không	Không có
e	Em ruột - Nguyễn Thị Hiền	Không	Không có
f	Em rể - Nguyễn Tất Đạt	Không	Không có
g	Em ruột - Nguyễn Quý Dương	Không	Không có
h	Em dâu - Vũ Thị Hiền	Không	Không có
i	Em ruột - Nguyễn Việt Đức	Không	Không có

Trân trọng!

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



Ngô Tấn Hồng



**CÔNG TY CỔ PHẦN
ĐẦU TƯ ĐIỆN LỰC 3**

Số: 44 /TTr-HĐQT

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Đà Nẵng, ngày 01 tháng 6 năm 2020

TỜ TRÌNH

**Về việc thông qua Quy chế tổ chức
họp Đại hội đồng cổ đông thường niên - 2020**

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Đầu tư Điện lực 3

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014;

Căn cứ Điều lệ của Công ty Cổ phần Đầu tư Điện lực 3;

Căn cứ Kế hoạch tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên - 2020,

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông Quy chế tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông thường niên - 2020 để thông qua.

Nơi nhận:

- Như trên;

- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



Ngô Tấn Hồng



QUY CHẾ TỔ CHỨC HỌP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN - 2020

CHƯƠNG I: NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1: Phạm vi áp dụng

Quy chế này được sử dụng cho việc tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên - 2020 của Công ty Cổ phần Đầu tư Điện lực 3 (PC3-INVEST).

Điều 2: Quy chế này quy định cụ thể quyền và nghĩa vụ của các bên khi tham gia Đại hội, điều kiện, thể thức tiến hành Đại hội.

Điều 3: Cổ đông và các bên tham gia có trách nhiệm thực hiện theo các quy định tại Quy chế này.

CHƯƠNG II: QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ KHI THAM GIA ĐẠI HỘI

Điều 4: Quyền và nghĩa vụ của Cổ đông tham dự Đại hội

1- Cổ đông phổ thông có quyền tham dự, thảo luận và biểu quyết tất cả các vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông. Mỗi cổ phần phổ thông tương ứng với 02 phiếu biểu quyết và 02 phiếu bầu cử. Trường hợp Cổ đông vì lý do riêng không đến dự họp thì có thể ủy quyền bằng văn bản (theo mẫu quy định) cho người đại diện thay mặt mình tham dự và biểu quyết tại Đại hội.

2- Ban tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông thường niên - 2020 của PC3-INVEST thông báo công khai chương trình Đại hội, các báo cáo và tờ trình tại Đại hội. Những ý kiến của Cổ đông/đại diện Cổ đông tại Đại hội sẽ được thảo luận công khai.

3- Cổ đông hoặc người được ủy quyền đến dự Đại hội cần mang theo các giấy tờ sau: Chứng minh thư nhân dân hoặc Hộ chiếu; Giấy ủy quyền (trường hợp được ủy quyền tham dự).

Sau khi xuất trình các giấy tờ trên cho Ban kiểm tra tư cách Cổ đông, Cổ đông/đại diện Cổ đông đến dự Đại hội sẽ được nhận Phiếu biểu quyết (trong Phiếu biểu quyết có ghi Mã cổ đông và số cổ phần có quyền biểu quyết của Cổ đông đó). Giá trị biểu quyết của Cổ đông/đại diện Cổ đông tương ứng với tỷ lệ số cổ phần có quyền biểu quyết mà người đó sở hữu hoặc đại diện theo đăng ký tham dự trên tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của các Đại biểu có mặt tại Đại hội.

4- Cổ đông/đại diện cổ đông dự Đại hội sau khi nghe các báo cáo và tờ trình được nêu trong chương trình họp sẽ cùng thảo luận và thông qua từng phần bằng biểu quyết.

5- Cổ đông/đại diện Cổ đông đến dự Đại hội sau khi cuộc họp khai mạc phải thực hiện các thủ tục đăng ký tham dự họp với Ban tổ chức và sau đó có quyền tham gia và biểu quyết ngay sau khi đăng ký, nhưng Chủ tọa không có trách nhiệm dừng Đại hội để cho Cổ đông/ đại diện Cổ đông đó đăng ký và hiệu lực của các đợt biểu quyết đã tiến hành không bị ảnh hưởng.

6- Cổ đông/đại diện Cổ đông đến dự Đại hội phải tuân thủ các quy định tại quy chế này, nghiêm túc chấp hành nội quy tại Đại hội, tôn trọng kết quả làm việc của Đại hội.

Điều 5: Quyền và nghĩa vụ của Ban tổ chức và Ban kiểm tra tư cách cổ đông
Ban tổ chức và Ban kiểm tra tư cách cổ đông do Hội đồng quản trị đề cử.

- Ban tổ chức đón tiếp, phát tài liệu, Phiếu biểu quyết và bố trí chỗ ngồi cho Cổ đông/đại diện Cổ đông đến dự Đại hội.
- Ban kiểm tra tư cách cổ đông nhận giấy tờ Cổ đông đến dự họp, đối chiếu với danh sách Cổ đông có quyền dự họp đã được chốt ngày 28/5/2020; báo cáo trước Đại hội về kết quả kiểm tra tư cách Cổ đông tham dự Đại hội.

Điều 6: Quyền và nghĩa vụ của Chủ tọa và Thư ký Đại hội

1. Chủ tịch HĐQT là Chủ tọa. Chủ tọa điều khiển cuộc họp theo chương trình đã được Đại hội thông qua; tiến hành các công việc cần thiết để điều khiển Đại hội đồng cổ đông một cách hợp lệ và có trật tự; hướng dẫn các đại biểu và Đại hội thảo luận; giải quyết các vấn đề phát sinh trong thời gian cuộc họp tiến hành.

2. Thư ký Đại hội do Chủ tọa chỉ định. Thư ký Đại hội thực hiện các công việc trợ giúp theo phân công của Chủ tọa, bao gồm:

- Ghi chép đầy đủ, trung thực, chính xác các nội dung của Đại hội, tiếp nhận các phiếu góp ý kiến của Cổ đông/ đại diện Cổ đông.
- Công bố dự thảo Biên bản và Nghị quyết Đại hội.

Điều 7: Quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm phiếu

Chủ tọa giới thiệu Ban kiểm phiếu và thông qua Đại hội bằng biểu quyết.

Ban kiểm phiếu có nhiệm vụ giám sát, ghi nhận kết quả biểu quyết của Cổ đông/đại diện Cổ đông tham dự Đại hội; phổ biến, hướng dẫn nguyên tắc biểu quyết; tổng hợp số cổ phần biểu quyết theo từng nội dung, lập biên bản kiểm phiếu và thông báo kết quả trước Đại hội.

CHƯƠNG III: TIẾN HÀNH ĐẠI HỘI

Điều 8: Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện ít nhất 51% tổng số cổ phiếu có quyền biểu quyết theo danh sách đã chốt (theo quy định tại khoản 1 Điều 141 Luật Doanh nghiệp năm 2014 và khoản 1 Điều 19 Điều lệ công ty).

- Đại hội sẽ lần lượt nghe các báo cáo và tờ trình theo chương trình của Đại hội và tiến hành thảo luận, biểu quyết thông qua các báo cáo và tờ trình.
- Cổ đông/đại diện Cổ đông thực hiện việc biểu quyết để tán thành, không tán thành hoặc không có ý kiến về một vấn đề phải được thông qua Đại hội, bằng cách đánh dấu vào phiếu biểu quyết.

Điều 9: Cách thức phát biểu ý kiến tại Đại hội

Các Cổ đông/ đại diện Cổ đông tham dự Đại hội muốn phát biểu ý kiến phải được sự chấp thuận của Chủ tọa. Cổ đông phát biểu ngắn gọn và tập trung vào đúng những nội dung trọng tâm cần trao đổi, phù hợp với nội dung chương trình nghị sự của Đại hội đã được thông qua. Chủ tọa sẽ sắp xếp cho cổ đông phát biểu theo thứ tự đăng ký, đồng thời giải đáp các thắc mắc của cổ đông.



Cổ đông/ đại diện Cổ đông tham dự Đại hội có thể gửi phiếu góp ý kiến về Chủ tọa. Phiếu góp ý kiến có giá trị như bài phát biểu trực tiếp tại Đại hội.

CHƯƠNG IV: KẾT THÚC ĐẠI HỘI

Điều 10: Thông qua Quyết định của cuộc họp Đại hội đồng cổ đông

Quyết định của Đại hội đồng cổ đông về các vấn đề được thông qua khi đạt được tỷ lệ biểu quyết tán thành như sau:

Đạt tỷ lệ tối thiểu là 51% tổng số cổ phiếu có quyền biểu quyết của các cổ đông dự họp tán thành (theo quy định tại khoản 2 Điều 144 Luật Doanh nghiệp năm 2014 và khoản 1 Điều 21 Điều lệ Công ty) gồm 7 nội dung: báo cáo kết quả hoạt động SXKD - ĐTXD năm 2019 và nhiệm vụ năm 2020; báo cáo tài chính năm 2019 đã được kiểm toán; báo cáo của Hội đồng quản trị năm 2019; báo cáo của Ban kiểm soát năm 2019; tờ trình giới thiệu các đơn vị kiểm toán độc lập để lựa chọn thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2020; tờ trình phân phối lợi nhuận năm 2019; tờ trình kế hoạch thù lao, tiền lương năm 2020 của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát; và miễn nhiệm thành viên HĐQT, BKS nhiệm kỳ 2018-2023.

Đối với nội dung bầu bổ sung thành viên HĐQT, BKS nhiệm kỳ 2018-2023 phải thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 144 Luật doanh nghiệp năm 2014, tức việc biểu quyết bầu bổ sung thành viên HĐQT, BKS phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu.

Điều 11: Biên bản và Nghị quyết cuộc họp Đại hội đồng cổ đông

Tất cả các nội dung tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được thư ký Đại hội ghi vào Biên bản Đại hội. Biên bản và Nghị quyết cuộc họp được đọc và thông qua trước khi bế mạc Đại hội và được lưu giữ tại Công ty.

CHƯƠNG V: ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 12: Quy chế này gồm 5 Chương 12 Điều, được thông qua và có hiệu lực tại Đại hội đồng Cổ đông thường niên - 2020 của Công ty Cổ phần Đầu tư Điện lực 3.



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ ĐIỆN LỰC 3
TRỤ SỞ CHÍNH: 78A DUY TÂN - TP ĐÀ NẴNG
ĐIỆN THOẠI: 0236.2212545 FAX: 0236.2221000
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN - 2020

PHIẾU BIỂU QUYẾT

Tên cổ đông/ Đại diện được ủy quyền:

Mã cổ đông:

Tổng số cổ phần sở hữu và đại diện theo ủy quyền: **cổ phần**

Nội dung biểu quyết:

T T	Nội dung biểu quyết	Kết quả biểu quyết		
		Tán thành	Không tán thành	Không có ý kiến
1	Báo cáo hoạt động SXKD-ĐTXD năm 2019 và nhiệm vụ năm 2020			
2	Báo cáo tài chính năm 2019 đã được kiểm toán			
3	Báo cáo của Hội đồng quản trị năm 2019 về quản trị và kết quả hoạt động của HĐQT và từng thành viên HĐQT			
4	Báo cáo của Ban kiểm soát năm 2019 về kết quả kinh doanh của Công ty, về kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc; đánh giá kết quả hoạt động của Ban kiểm soát			
5	Chọn đơn vị kiểm toán BCTC năm 2020			
6	Phân phối lợi nhuận năm 2019 và dự kiến kế hoạch năm 2020			
7	Kế hoạch thù lao, tiền lương năm 2020 của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát			

Cổ đông ký xác nhận

DỰ THẢO

**NGHỊ QUYẾT
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN - 2020
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ ĐIỆN LỰC 3**

**ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ ĐIỆN LỰC 3**

Căn cứ Luật doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014;

Căn cứ Điều lệ của Công ty Cổ phần Đầu tư Điện lực 3;

Căn cứ Biên bản phiên họp Đại hội đồng cổ đông thường niên - 2020,

QUYẾT NGHỊ:

1. Thông qua kết quả hoạt động SXKD-ĐTXD năm 2019 và nhiệm vụ năm 2020 được trình bày tại tờ trình số /TTr-HĐQT ngày .../.../2020 của Hội đồng quản trị, với các nội dung chính sau:

a. Kết quả SXKD-ĐTXD năm 2019: Mọi mặt hoạt động của Công ty đều tuân thủ quy định của Nhà nước, Điều lệ Công ty và Nghị quyết của HĐQT. Công ty đã nỗ lực khắc phục khó khăn, đạt được các kết quả như sau:

a.1. Về nhiệm vụ SXKD: tổng sản lượng điện thương phẩm đạt 77,01 triệu kWh; tổng doanh thu đạt 103,26 tỷ đồng; lợi nhuận sau thuế đạt 18,53 tỷ đồng; mức cổ tức đạt 5% (đạt kế hoạch mà ĐHĐCĐ 2019 giao); bảo đảm tuyệt đối an toàn lao động; công tác phòng chống cháy nổ, phòng chống lụt bão, bảo vệ môi trường được thực hiện tốt.

a.2. Về nhiệm vụ ĐTXD: đã hoàn thành hồ sơ bổ sung quy hoạch dự án NMDG Tân Lập (công suất 50MW) trình UBND tỉnh Quảng Trị và Bộ Công thương đúng kế hoạch; đã hoàn thành BCNCKT NMTĐ hồ B và nâng đập hồ A - Dự án thủy điện Đăk Pône và các thủ tục pháp lý phát sinh như báo cáo đánh giá tác động môi trường, báo cáo dòng chảy môi trường sau đập hồ A, báo cáo kiểm định đập hồ A.

a.3. Công tác quản trị doanh nghiệp tiếp tục được tăng cường, nâng cao chất lượng, hiệu quả công việc và tiết kiệm chi phí hoạt động (giảm 27,67% so với dự toán được duyệt); chủ động thực hiện thành công nhiều giải pháp, sáng kiến cải tiến kỹ thuật; chấp hành tốt các quy định của Nhà nước trong các lĩnh vực hoạt động và quản trị công ty.

b. Nhiệm vụ năm 2020:

b.1. Kế hoạch SXKD:

+ Tổng sản lượng điện thương phẩm ước đạt 81,43 triệu kWh (Đăk Pône đạt 57 triệu kWh và Đa Krông 1 đạt 24,43 triệu kWh).

+ Tổng doanh thu ước đạt 104,06 tỷ đồng [trong đó, doanh thu sản xuất điện ước đạt 103,61 tỷ đồng (Đăk Pône đạt 63,51 tỷ đồng và Đa Krông 1 đạt 40,10 tỷ đồng) và doanh thu khác đạt 0,45 tỷ đồng].

+ Tổng lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp ước đạt 19,56 tỷ đồng; cổ tức năm 2020 dự kiến (5÷6)%.

b.2. Kế hoạch ĐTXD:

+ Dự án NMTĐ Tân Lập - 30MW: tiếp tục theo dõi, giải trình với Bộ Công thương để phê duyệt bổ sung quy hoạch dự án NMTĐ Tân Lập; chuẩn bị nguồn lực để sẵn sàng triển khai khảo sát, lập BCNCKT dự án sau khi dự án được phê duyệt bổ sung quy hoạch.

+ Dự án thủy điện Đăk Pône - NMTĐ hồ B và Nâng đập hồ A: làm việc với Địa phương để thúc đẩy việc điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất; thực hiện các thủ tục thẩm định TKCS với cơ quan quản lý nhà nước; phê duyệt BCNCKT; lập TKBVTC-DT; lựa chọn nhà thầu xây lắp - thiết bị; nếu hoàn tất sớm việc điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất thì sẽ triển khai đền bù giải phóng mặt bằng và có thể thực hiện một số công tác thực địa.

+ Dự án SCADA NMTĐ Đăk Pône: hoàn thành công trình SCADA NMTĐ Đăk Pône, đưa vào vận hành tháng 5/2020 và quyết toán công trình.

2. Thông qua Báo cáo tài chính năm 2019 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn RSM Việt Nam - Chi nhánh miền Trung theo nội dung tại tờ trình số .../TTTr-HĐQT ngày .../.../2020 của Hội đồng quản trị.

3. Thông qua Báo cáo của Hội đồng quản trị năm 2019 về quản trị và kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị và từng thành viên Hội đồng quản trị.

4. Thông qua Báo cáo của Ban kiểm soát năm 2019 về kết quả kinh doanh của Công ty và kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc; kết quả hoạt động của Ban kiểm soát.

5. Thống nhất ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định lựa chọn một trong ba đơn vị kiểm toán là Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán AAC; Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn RSM Việt Nam - Chi nhánh miền Trung và Công ty TNHH Kiểm toán FAC - Chi nhánh miền Trung để thực hiện kiểm toán BCTC năm 2020 theo nội dung tại tờ trình số 01/TTTr-BKS ngày 27/3/2020 của Ban kiểm soát.

6. Thông qua phương án phân phối lợi nhuận năm 2019 và dự kiến kế hoạch năm 2020 theo nội dung tại tờ trình số .../TTTr-HĐQT ngày .../.../2020 của Hội đồng quản trị.

7. Thông qua kế hoạch thù lao, tiền lương năm 2020 của HĐQT và BKS theo nội dung tại tờ trình số .../TTTr-HĐQT ngày .../.../2020 của Hội đồng quản trị.

8. Công tác nhân sự HĐQT, BKS nhiệm kỳ 2018-2023

8.1. Công tác nhân sự HĐQT nhiệm kỳ 2018-2023

* Thống nhất miễn nhiệm thành viên HĐQT nhiệm kỳ 2018-2023 đối với ông, ông và ông

* Thống nhất bổ sung thành viên HĐQT nhiệm kỳ 2018-2023 đối với ông, ông và ông

8.2. Công tác nhân sự BKS nhiệm kỳ 2018-2023

* Thống nhất miễn nhiệm thành viên BKS nhiệm kỳ 2018-2023 đối với bà và bà

* Thống nhất bổ sung thành viên BKS nhiệm kỳ 2018-2023 đối với bà và bà

Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, Ban kiểm soát và những người có liên quan của Công ty có trách nhiệm căn cứ nghị quyết thi hành.

Nơi nhận:

- Các cổ đông;
- Các thành viên HĐQT;
- Tổng giám đốc; 18.06.2020
- Ban kiểm soát;
- Đăng Website Cty;
- Lưu.

**TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
CHỦ TỌA**

Ngô Tấn Hồng

**CÔNG TY CỔ PHẦN
ĐẦU TƯ ĐIỆN LỰC 3**

Số: 50/TTr-HĐQT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Đà Nẵng, ngày 01 tháng 6 năm 2020

TỜ TRÌNH

**Về việc thông qua Quy chế bầu cử tại
Đại hội đồng cổ đông thường niên - 2020**

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Đầu tư Điện lực 3

Căn cứ Luật doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014;

Căn cứ Điều lệ của Công ty Cổ phần Đầu tư Điện lực 3;

Căn cứ Kế hoạch tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên - 2020,

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông Quy chế bầu cử để Đại hội đồng cổ đông thông qua.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



Ngô Tấn Hồng



QUY CHẾ BẦU CỬ
TẠI ĐẠI HỘI CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN - 2020
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ ĐIỆN LỰC 3

- Căn cứ Luật doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014;
- Căn cứ Điều lệ của Công ty Cổ phần Đầu tư Điện lực 3;

Đại hội cổ đông thường niên - 2020 Công ty Cổ phần Đầu tư Điện lực 3 tiến hành bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị (HĐQT), Ban kiểm soát (BKS) nhiệm kỳ 2018-2023 với quy chế bầu cử, như sau:

Điều 1: Đối tượng thực hiện bầu cử:

Cổ đông sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết và đại diện theo ủy quyền của cổ đông sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết có mặt tại Đại hội.

Điều 2. Biểu quyết nội dung sau:

- + Bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị : 03 thành viên.
- + Bầu bổ sung thành viên Ban kiểm soát : 02 thành viên.

Điều 3. Danh sách ứng viên thành viên HĐQT, BKS:

Danh sách ứng viên thành viên HĐQT, BKS nhiệm kỳ 2018-2023 theo tiêu chuẩn và điều kiện được quy định tại Luật doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014 và Điều lệ của Công ty Cổ phần Đầu tư Điện lực 3.

Điều 4: Tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên HĐQT, BKS:

I. Tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên HĐQT (theo điều 151 Luật doanh nghiệp 2014 và điều 26 Điều lệ công ty):

1. Thành viên HĐQT phải có các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:

a) Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ, không thuộc đối tượng không được quản lý doanh nghiệp theo quy định tại khoản 2 Điều 18 của Luật doanh nghiệp 2014.

b) Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản lý kinh doanh của công ty và không nhất thiết phải là cổ đông của công ty, trừ trường hợp Điều lệ công ty quy định khác.

c) Thành viên Hội đồng quản trị công ty có thể đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị của công ty khác.

d) Đối với công ty mà Nhà nước nắm giữ trên 50% thì thành viên Hội đồng quản trị không được là vợ hoặc chồng, cha đẻ, cha nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột, anh rể, em rể, chị dâu, em dâu của Tổng giám đốc và người quản lý khác của công ty; không được là người

có liên quan của người quản lý, người có thẩm quyền bổ nhiệm người quản lý công ty mẹ.

2. Thành viên độc lập HĐQT có các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây, trừ trường hợp pháp luật về chứng khoán có quy định khác:

a) Không phải là người đang làm việc cho công ty, công ty con của công ty; không phải là người đã từng làm việc cho công ty, công ty con của công ty ít nhất trong 03 năm liền trước đó.

b) Không phải là người đang hưởng lương, thù lao từ công ty, trừ các khoản phụ cấp mà thành viên HĐQT được hưởng theo quy định.

c) Không phải là người có vợ hoặc chồng, cha đẻ, cha nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột là cổ đông lớn của công ty; là người quản lý của công ty hoặc công ty con của công ty.

d) Không phải là người trực tiếp hoặc gián tiếp sở hữu ít nhất 1% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của công ty.

đ) Không phải là người đã từng làm thành viên HĐQT, BKS của công ty ít nhất trong 05 năm liền trước đó.

II. Tiêu chuẩn và điều kiện của Kiểm soát viên (theo điều 164 Luật doanh nghiệp 2014 và điều 37 Điều lệ Công ty)

1. Kiểm soát viên phải có tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:

a) Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ và không thuộc đối tượng bị cấm thành lập và quản lý doanh nghiệp theo quy định của Luật doanh nghiệp 2014.

b) Không phải là vợ hoặc chồng, cha đẻ, cha nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột của thành viên HĐQT, Tổng giám đốc và người quản lý khác.

c) Không được giữ các chức vụ quản lý công ty; không nhất thiết phải là cổ đông hoặc người lao động của công ty, trừ trường hợp Điều lệ công ty có quy định khác.

d) Các tiêu chuẩn và điều kiện khác theo quy định khác của pháp luật có liên quan và Điều lệ công ty.

đ) Không thuộc các trường hợp sau:

đ.1. Làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của công ty.

đ.2. Là thành viên hay nhân viên của công ty kiểm toán độc lập đang thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty trong ba (03) năm liền trước đó.

2. Kiểm soát viên công ty cổ phần niêm yết, công ty do Nhà nước nắm giữ trên 50% vốn điều lệ phải là kiểm toán viên hoặc kế toán viên.



III. Ứng cử, đề cử thành viên HĐQT, BKS: (theo điều 114 Luật doanh nghiệp 2014 và điều 25, điều 36 Điều lệ của Công ty)

1. Các cổ đông nắm giữ cổ phần phổ thông trong thời hạn liên tục ít nhất sáu (06) tháng có quyền gộp số quyền biểu quyết để đề cử ứng viên HĐQT, BKS. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ năm phần trăm (5%) đến dưới mười phần trăm (10%) tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; từ mười phần trăm (10%) đến dưới ba mươi phần trăm (30%) được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ ba mươi phần trăm (30%) đến dưới bốn mươi phần trăm (40%) được đề cử tối đa ba (03) ứng viên; từ bốn mươi phần trăm (40%) đến dưới năm mươi phần trăm (50%) được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên; từ năm mươi phần trăm (50%) đến dưới sáu mươi phần trăm (60%) được đề cử tối đa năm (05) ứng viên; từ sáu mươi phần trăm (60%) đến dưới bảy mươi phần trăm (70%) được đề cử tối đa sáu (06) ứng viên; từ bảy mươi phần trăm (70%) đến dưới tám mươi phần trăm (80%) được đề cử tối đa bảy (07) ứng viên; và từ tám mươi phần trăm (80%) đến dưới chín mươi phần trăm (90%) được đề cử tối đa tám (08) ứng viên.

2. Trường hợp số lượng ứng viên HĐQT thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, HĐQT đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo một cơ chế được Công ty quy định tại Quy chế nội bộ về quản trị công ty. Thủ tục HĐQT đương nhiệm giới thiệu ứng viên HĐQT phải được công bố rõ ràng và phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi tiến hành đề cử theo quy định của pháp luật.

3. Trường hợp số lượng các ứng viên BKS thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, BKS đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo một cơ chế được quy định tại Điều lệ công ty và Quy chế nội bộ về quản trị công ty. Cơ chế BKS đương nhiệm đề cử ứng viên BKS phải được công bố rõ ràng và phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi tiến hành đề cử.

Điều 5: Phiếu bầu cử và ghi phiếu bầu cử:

- **Danh sách ứng viên thành viên HĐQT, BKS:** Được sắp xếp theo thứ tự ABC theo tên, ghi đầy đủ họ và tên trên phiếu bầu cử.

- Phiếu bầu cử và ghi phiếu bầu cử:

+ Phiếu bầu cử được in thống nhất, có tổng số phiếu biểu quyết theo mã số tham dự.

+ Cổ đông hoặc đại diện ủy quyền được phát đồng thời phiếu bầu cử HĐQT và phiếu bầu cử BKS theo mã số tham dự (sở hữu và được ủy quyền).

+ Cổ đông hoặc đại diện ủy quyền phải tự mình ghi số phiếu biểu quyết cho từng ứng viên vào ô trống của ứng viên đó trên phiếu bầu cử.

+ Trường hợp ghi sai, cổ đông đề nghị Ban bầu cử đổi phiếu bầu cử khác.

Điều 6. Phương thức bầu cử:

+ Việc bầu cử HĐQT, BKS được bỏ phiếu kín theo phương thức bầu dồn phiếu.

+ Mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần có quyền biểu quyết (bao gồm sở hữu và được ủy quyền) nhân (X) với số thành viên được bầu của HĐQT hoặc BKS.

+ Cổ đông chọn một trong hai cách sau để bầu thành viên HĐQT/BKS:

Cách 1: Bầu bằng cách đánh dấu (bầu đều): cổ đông đánh dấu “X” vào ô trống của các ứng viên mà mình chọn (3 dấu “X” đối với HĐQT và 2 dấu “X” đối với BKS), số phiếu biểu quyết cho từng ứng viên là kết quả chia đều của tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông đó cho 3 thành viên HĐQT hay 2 thành viên BKS.

Cách 2: Bầu bằng cách ghi số phiếu biểu quyết cho ứng viên mà mình chọn: cổ đông ghi cụ thể số phiếu biểu quyết cho từng ứng viên mà mình chọn. Số phiếu biểu quyết cho từng ứng viên có thể khác nhau tùy thuộc vào sự tín nhiệm của cổ đông/đại diện cổ đông đối với mỗi ứng cử viên. Tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông/đại diện cho các ứng viên không vượt quá tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông/đại diện cổ đông đó. Không bầu cho ứng viên nào (ở cách 2) thì ghi chữ “không” vào ô số phiếu được bầu của ứng viên đó.

Các trường hợp phiếu bầu cử không hợp lệ

- Phiếu bầu cử không theo mẫu quy định của Công ty, không có dấu của Công ty.

- Phiếu bầu cử biểu quyết số người vượt quá số tối đa theo quy định tại Điều 2 của Quy chế này (tức là biểu quyết nhiều hơn 3 người đối với HĐQT và nhiều hơn 2 người đối với BKS).

- Phiếu bầu cử có tổng số phiếu biểu quyết cho các ứng viên của cổ đông vượt quá tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông đó sở hữu/ và được ủy quyền.

- Phiếu bầu cử tự ý ghi thêm tên người ngoài danh sách đã in sẵn hoặc gạch xóa vào phiếu (trường hợp viết sai phải đổi lại phiếu mới).

- Phiếu bầu cử không có chữ ký của cổ đông/ đại diện cổ đông.

- Phiếu bầu cử thực hiện đồng thời cả Cách 1 và Cách 2.

Điều 7. Nguyên tắc trúng cử thành viên HĐQT, BKS:

+ Người trúng cử thành viên HĐQT hoặc thành viên BKS được xác định theo số phiếu biểu quyết cao nhất tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng

cử viên có số phiếu biểu quyết cao nhất cho đến khi đủ số thành viên HĐQT (3 người), BKS (2 người).

+ Trường hợp có những ứng cử viên đạt số phiếu biểu quyết ngang nhau mà cần phải loại bớt để đạt đủ số thành viên trúng cử theo quy định thì người nào sở hữu và đại diện sở hữu nhiều cổ phần hơn sẽ được chọn. Nếu số cổ phần sở hữu và đại diện sở hữu ngang bằng nhau thì sẽ tổ chức bầu lại giữa các ứng viên này để chọn người có số phiếu biểu quyết cao hơn.

+ Nếu sau hai lần bầu cử mà vẫn không chọn đủ số thành viên HĐQT và BKS theo yêu cầu thì Đại hội đồng cổ đông có thể biểu quyết để khuyết thành viên HĐQT hoặc BKS và bầu bổ sung trong kỳ họp Đại hội đồng cổ đông tiếp theo.

Điều 8. Ban bầu cử, nguyên tắc kiểm phiếu:

*** Ban bầu cử:**

+ Ban bầu cử do Chủ tọa đề cử và được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

+ Ban bầu cử có trách nhiệm:

- Phổ biến Quy chế bầu cử.
- Giới thiệu phiếu bầu cử và phát phiếu bầu cử.
- Tiến hành kiểm phiếu.
- Công bố kết quả bầu cử trước Đại hội.

+ Thành viên Ban bầu cử không được có tên trong danh sách ứng viên thành viên HĐQT, BKS.

*** Nguyên tắc kiểm phiếu:**

+ Việc kiểm phiếu phải được tiến hành ngay sau khi việc bỏ phiếu kết thúc.

+ Kết quả kiểm phiếu phải được lập thành văn bản và được Trưởng Ban bầu cử công bố toàn văn trước Đại hội.

*** Đối phiếu bầu:**

Trường hợp có sự sai sót trong quá trình viết phiếu, cổ đông có thể liên hệ Ban bầu cử để được hướng dẫn và thay thế Phiếu bầu cử khác.

Điều 9. Những khiếu nại về việc bầu cử và kiểm phiếu sẽ chỉ được xem xét ngay tại Đại hội do Chủ tọa giải quyết và được ghi vào biên bản cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. Cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền không được phản đối tính cách hợp lệ này bất kỳ lúc nào khác.

Quy chế này gồm có 09 điều và được đọc công khai trước Đại hội đồng cổ đông để biểu quyết thông qua.



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ ĐIỆN LỰC 3
TRỤ SỞ CHÍNH: 78 A DUY TÂN - TP ĐÀ NẴNG
ĐIỆN THOẠI: 0236.2212545 FAX: 0236.2221000
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN - 2020

PHIẾU BẦU CỬ BỔ SUNG THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ NHIỆM KỲ 2018-2023

Tên cổ đông/Đại diện được ủy quyền:

Mã cổ đông:

Tổng số cổ phần có quyền biểu quyết (gồm sở hữu và được ủy quyền): **CP**

Tổng số phiếu biểu quyết: CP x 3 (ba) = **phiếu biểu quyết**

Nội dung biểu quyết:

Danh sách bầu cử	<u>Cách 1</u> : Chia đều số phiếu biểu quyết cho 3 ứng viên (đánh dấu "X")	<u>Cách 2</u> : Ghi số phiếu biểu quyết cho từng ứng viên
1. Trần Đăng Hiền		
2. Trần Nhật Thăng		
3. Nguyễn Trọng Vĩnh		

Hướng dẫn:

Cổ đông chỉ được chọn cách bầu theo Cách 1 hoặc Cách 2.

- Cách 1: chia đều phiếu biểu quyết cho 3 ứng viên, cổ đông đánh dấu "X" vào 3 ô trống để bầu 3 ứng viên Hội đồng quản trị.

- Cách 2: cổ đông ghi cụ thể số phiếu biểu quyết cho từng ứng viên mà mình chọn (không quá 3 ứng viên). Tổng số phiếu biểu quyết cho các ứng viên cộng lại không vượt quá tổng số phiếu biểu quyết ghi ở phần thông tin cổ đông. Không bầu cho ứng viên nào (ở cách 2) thì ghi chữ "không" vào ô số phiếu được bầu của ứng viên đó.

Cổ đông ký xác nhận



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ ĐIỆN LỰC 3
TRỤ SỞ CHÍNH: 78 A DUY TÂN - TP ĐÀ NẴNG
ĐIỆN THOẠI: 0236.2212545 FAX: 0236.2221000
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN - 2020

PHIẾU BẦU CỬ BỔ SUNG THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT NHIỆM KỲ 2018-2023

Tên cổ đông/Đại diện được ủy quyền:

Mã cổ đông:

Tổng số cổ phần có quyền biểu quyết (gồm sở hữu và được ủy quyền): **CP**

Tổng số phiếu biểu quyết: **CP x 2 (hai) = phiếu biểu quyết**

Nội dung biểu quyết:

Danh sách bầu cử	Cách 1: Chia đều số phiếu biểu quyết cho 2 ứng viên (đánh dấu "X")	Cách 2: Ghi số phiếu biểu quyết cho từng ứng viên
1. Trần Thị Minh Hà		
2. Huỳnh Thị Kim Hoàng		

Hướng dẫn:

Cổ đông chỉ được chọn cách bầu theo Cách 1 hoặc Cách 2.

- Cách 1: chia đều phiếu biểu quyết cho 2 ứng viên, cổ đông đánh dấu "X" vào 2 ô trống để bầu 2 ứng viên Ban kiểm soát.

- Cách 2: cổ đông ghi cụ thể số phiếu biểu quyết cho từng ứng viên mà mình chọn (không quá 2 ứng viên). Tổng số phiếu biểu quyết cho các ứng viên cộng lại không vượt quá tổng số phiếu biểu quyết ghi ở phần thông tin cổ đông. Không bầu cho ứng viên nào (ở cách 2) thì ghi chữ "không" vào ô số phiếu được bầu của ứng viên đó.

Cổ đông ký xác nhận

**THÔNG TIN LIÊN QUAN ĐẾN CÁC ỨNG VIÊN BẦU BỔ SUNG
THÀNH VIÊN HĐQT, BKS CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ ĐIỆN LỰC 3
NHIỆM KỲ 2018-2023**

I. Ứng viên Hội đồng quản trị

1. Ông Trần Đăng Hiền

- Ngày, tháng, năm sinh: 30/8/1964

- Trình độ học vấn: 10/10

- Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ QTKD, Kỹ sư điện, Cử nhân QTKD

- Quá trình công tác:

+ Từ ngày 20/3/2009 đến nay: Phó Tổng giám đốc Công ty Cổ phần Điện lực Khánh Hòa

+ Từ ngày 02/4/2007 đến ngày 19/3/2009: Phó giám đốc Công ty phụ trách công tác viễn thông điện lực - Ban lãnh đạo - Công ty Cổ phần Điện lực Khánh Hòa

+ Từ ngày 01/11/2001 đến ngày 01/4/2007: Trưởng phòng Tổ chức - Nhân sự - Công ty Cổ phần Điện lực Khánh Hòa

+ Từ ngày 01/9/1996 đến ngày 31/10/2001: Chuyên viên - Tổ trưởng - Phó Phòng - Văn phòng Công ty Điện lực Khánh Hòa

+ Từ ngày 01/6/1992 đến ngày 31/8/1996: Chuyên viên - Phó Trưởng phòng Tổ chức - Hành chính - Điện lực Ninh Thuận

- Các công ty mà ứng viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị và các chức danh quản lý khác: Phó Tổng giám đốc Công ty Cổ phần Điện lực Khánh Hòa

- Các lợi ích có liên quan tới Công ty: Không

- Họ, tên của cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử ứng viên: Tổng công ty Điện lực miền Trung

2. Ông Trần Nhật Thăng

- Ngày, tháng, năm sinh: 18/10/1978

- Trình độ học vấn: 12/12

- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Điện kỹ thuật

- Quá trình công tác:

+ Từ tháng 01/2017 đến nay: Phó Trưởng Ban Quản lý đầu tư - Tổng công ty Điện lực miền Trung

+ Từ tháng 12/2001 đến tháng 12/2016: Chuyên viên Ban Quản lý đầu tư - Tổng công ty Điện lực miền Trung (trước đây là Phòng Quản lý xây dựng - Công ty Điện lực 3)

- Các công ty mà ứng viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị và các chức danh quản lý khác: Phó Trưởng Ban Quản lý đầu tư - Tổng công ty Điện lực miền Trung

- Các lợi ích có liên quan tới Công ty: Không

- Họ, tên của cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử ứng viên: Tổng công ty Điện lực miền Trung

3. Ông Nguyễn Trọng Vĩnh

- Ngày, tháng, năm sinh: 14/12/1974

- Trình độ học vấn: 12/12

- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư điện

- Quá trình công tác:

+ Từ năm 2017 đến nay: Phó Trưởng Ban Kế hoạch - Tổng công ty Điện lực miền Trung

+ Từ năm 2003 đến năm 2016: Chuyên viên-Ban Kỹ Thuật- Tổng công ty Điện lực miền trung

+ Từ năm 2001 đến năm 2003: thực hiện nghĩa vụ quân sự - Tiểu Đoàn 2, Trung đoàn 1, Sư đoàn 2, Quân khu 5, Thị xã An Khê, tỉnh Gia Lai

+ Từ năm 1998 đến năm 2001: Trưởng ca vận hành - NMTĐ Đa Nhim, tỉnh Ninh Thuận

- Các công ty mà ứng viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị và các chức danh quản lý khác: Phó Trưởng Ban Kế hoạch - Tổng công ty Điện lực miền Trung

- Các lợi ích có liên quan tới Công ty: Không

- Họ, tên của cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử ứng viên: Tổng công ty Điện lực miền Trung

II. Ứng viên Ban kiểm soát

1. Bà Trần Thị Minh Hà

- Ngày, tháng, năm sinh: 25/8/1988

- Trình độ học vấn: 12/12

- Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kế toán

- Quá trình công tác: từ năm 2010 đến nay: Chuyên viên Ban Tài chính Kế toán Tổng công ty Điện lực miền Trung

- Các công ty mà ứng viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị và các chức danh quản lý khác: Không

- Các lợi ích có liên quan tới Công ty: Không

- Họ, tên của cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử ứng viên: Tổng công ty Điện lực miền Trung

2. Bà Huỳnh Thị Kim Hoàng

- Ngày, tháng, năm sinh: 11/02/1993

- Trình độ học vấn: 12/12

- Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kiểm toán

- Quá trình công tác: từ năm 2015 đến nay: Chuyên viên Ban Kiểm toán nội bộ và Giám sát tài chính Tổng công ty Điện lực miền Trung

- Các công ty mà ứng viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị và các chức danh quản lý khác: Không

- Các lợi ích có liên quan tới Công ty: Không

- Họ, tên của cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử ứng viên: Tổng công ty Điện lực miền Trung